

Lời cảm ơn!

Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn BTC cuộc thi “Tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm 2013” đã tạo sân chơi hữu ích, giúp cho nhân dân, đảng viên, cán bộ, học sinh, sinh viên, người lao động... có cơ hội thể hiện tình yêu của mình đối với di sản văn hóa của quê hương Biên Hòa - Đồng Nai. Thông qua cuộc thi, bản thân đã hiểu biết thêm về di tích văn hóa lịch sử của tỉnh nhà. Đồng thời, cuộc thi là cơ hội để bày tỏ những chính kiến của bản thân nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống của dân tộc.

Xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc, các phòng ban, đồng nghiệp Bảo tàng Đồng Nai đã tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, tài liệu, hình ảnh... giúp cho cán bộ, nhân viên hoàn thành các bài thi.

Kính chúc Ban tổ chức, Ban Giám khảo cuộc thi, Ban Giám đốc, các phòng ban, đồng nghiệp Bảo tàng Đồng Nai lời chào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Trân trọng!

Chương 1

Lược sử di tích lịch sử - kiến trúc nghệ thuật Miếu Tổ sư

1. Lịch sử vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai

Ngày nay, nhắc đến Đồng Nai mọi người thường nghĩ ngay đây là một tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, có nhiều khu công nghiệp quy mô thu hút hàng vạn lao động về làm việc và sinh sống. Nhưng có mấy ai biết rằng, vùng đất Biên Hòa xưa – Đồng Nai nay có một quá khứ sâu thẳm; là nơi in dấu những bước chân đầu tiên trong quá trình Nam tiến của nhiều cộng đồng dân cư từ hơn ba trăm năm trước. “Đất lành chim đậu” – nhiều nhóm dân cư từ ba miền Bắc – Trung – Nam trong suốt diễn trình lịch sử đã chọn Đồng Nai làm nơi sinh kế lâu dài:

“Rông châu ngoài Huế

Ngựa té Đồng Nai,

Nước sông trong chảy lộn sông ngoài.

Thương người xa xứ lạc loài tới đây,

Tới đây thì ở lại đây

Bao giờ bển rẽ xanh cây sẽ về!”



Chợ Biên Hòa xưa

Hơn ba thế kỷ qua, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai là địa bàn sinh tụ và cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc. Ngoài bốn dân tộc bản địa là Choro, Châu Ma, S'tiêng và Kơho, thì người Kinh có số dân đông nhất, rồi đến người Hoa, người Khơ Me, người Chăm... Theo các sử liệu ghi nhận, Biên Hòa – Đồng Nai xưa thuộc nước Phù Nam và Chân Lạp, là vùng đất hoang hóa, rừng rậm, sông dài, dân cư thưa thớt, lác đác vài cộng đồng dân tộc bản địa sinh sống lâu đời. Dưới triều nhà Nguyễn, người dân từ vùng Ngũ Quảng¹ di cư vào để khẩn hoang vùng đất Mô Xoài, Bàn Lân (Biên Hòa)... Sau khi được trừ phú, thịnh vượng, năm 1698, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, thành lập dinh Trấn Biên thuộc phủ Gia Định. Năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi thành trấn Biên Hoà, đến đời vua Minh Mạng (1820-1840) lại đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Vào khai hoang lập ấp ở vùng đất mới, các thế hệ người Việt, cùng với cộng đồng dân cư khác đã trải qua nhiều biến cố lịch sử với nhiều chặng đường đầy khó khăn vất vả, hiểm nguy luôn rình rập. Tuy nhiên với truyền thống văn hóa được đúc kết từ ngàn năm văn hiến, cộng đồng người Việt nhanh chóng ổn định cuộc sống, lập làng, lập ấp, xây dựng và phát triển kinh tế... Trong quá trình Nam tiến, ngoài vốn văn hóa truyền thống như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo được mang theo, người Việt còn tiếp biến các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cùng cộng cư nơi vùng đất mới. Vào đến vùng đất Nam Trung bộ họ tiếp nhận các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo Chămpa, sau đó người Việt vào Nam lại tiếp nhận văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của người Phù Nam – Chân Lạp, Khơ Me... Về sau khi tiếp xúc với các nước phương Tây lại tiếp nhận các nền văn hóa mới... Do vậy, qua hơn ba trăm năm hình thành và phát triển vốn di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng người Việt ở các địa phương trong tỉnh rất phong phú và đa dạng trên nhiều loại hình văn hóa như tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, nghề thủ công truyền thống...

Bên cạnh cộng đồng người Việt, thì một bộ phận không nhỏ các dân tộc ít người ở Đồng Nai với vốn lễ hội văn hóa dân gian khá phong phú, phản ánh đời

¹ Ngũ Quảng gồm có Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Ngãi

sống sinh hoạt tâm linh của dân tộc mình như lễ thức và tập quán vòng đời người của các dân tộc Choro, Mạ, S'tiêng, Koho như lễ Sayangva (dân tộc Choro), lễ hội đâm trâu (dân tộc Châu Mạ, S'tiêng)... Thêm vào đó, việc cộng sinh với các nhóm lưu dân người Hoa, quá trình giao thoa văn hóa trong suốt thời gian dài đã làm cho loại hình văn hóa phi vật thể như lễ hội dân gian Tả Tài Phán, cúng Bà Thiên Hậu, cầu an cầu siêu... ở các đền, chùa, miếu, mào, nghĩa từ, từ đường... được tổ chức rất công phu, độc đáo, đậm chất dân tộc, quê hương mình nơi mảnh đất mới và thu hút đông đảo mọi người tham gia.

2. Vài nét về người Hoa ở Biên Hòa – Đồng Nai

Người Hoa ở Đồng Nai là tộc người đứng thứ hai sau người Kinh, sống xen kẽ với người Kinh. Văn hóa của người Hoa đã góp phần không nhỏ tạo nên tính phong phú, đa dạng cho văn hóa Đồng Nai nói riêng và Nam bộ nói chung. Đặc điểm văn hóa ấy là sự kết hợp văn hóa truyền thống Trung Hoa cổ đại, được người Hoa gìn giữ và phát triển trong điều kiện môi sinh địa lý của Việt Nam với văn hóa của người Việt.

Tháng 5 năm Kỷ vị (1679), Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, bày tôi nhà Minh, không phục nhà Thanh đã dẫn 3.000 người với 50 chiếc thuyền nhập cửa biển Tư Duy (Đà Nẵng), xin định cư ở nước ta. Chúa Nguyễn chấp thuận và sai các trưởng Vân Trình, Văn Chiêu hướng dẫn cho vào đất Đông Phố. Nhóm Long Môn của Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư tại Mỹ Tho. Nhóm Cao, Lô, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển Cần Giờ đến sinh sống ở xứ Bàn Lân (tức Biên Hòa ngày nay).

Từ đợt những người Trung Hoa đầu tiên sang nước ta tị nạn chính trị mà sử sách ghi rõ và các đợt người sau rải rác từ cuối thế kỷ XVII trở đi, tính ra đã hơn ba thế kỷ. Họ gồm người cùng quê quán, tiếng nói, phong tục... hợp thành những cộng đồng có tổ chức chặt chẽ gọi là bang. Thời các chúa Nguyễn, lưu thủ Trấn Biên chia người Tàu thành bảy bang (gọi là Thất phủ): Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu (Tiêu), Hải Nam, Hẹ (Sùng Chính), Phúc Châu, Quỳnh Châu. Người mỗi bang thường làm một vài nghề truyền thống. Người Tiêu trồng rau, mở chành lúa; người Quảng Đông thường mở tiệm ăn. Người Thượng Hải giỏi nghề trồng răng thủ công. Người Phúc kiến buôn bán đồ lạc xon mà giàu

nhANH. Người Hải Nam mở tiệm ăn. Người Họ mở tiệm thuốc Bắc, dệt vải và làm đá mỹ nghệ, đá dân dụng.

Đại diện mỗi bang là bang trưởng, vị này có uy tín, có tài sản, chịu trách nhiệm giúp nhà cầm quyền địa phương kiểm soát và thu thuế các thành viên trong cộng đồng. Năm Giáp Tuất (1814) nhà Nguyễn ra đạo dụ chính thức hoá chế độ lập bang của người Tàu.

Ba trăm năm có lẽ, kể từ khi đặt chân đến xứ Đồng Nai: “*xứ sở lạ lùng, con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh*” các nhóm người Hoa bắt đầu tạo lập cuộc sống trên vùng đất mới. Họ cùng với lưu dân người Việt, số lưu dân đến định cư trước, cần mẫn khai khẩn mưu cầu một cuộc sống ấm no hơn, hạnh phúc hơn nơi mà họ đã ra đi dù trước mắt còn nhiều chông gai trắc trở. Bao thế hệ người Hoa từ đoàn di dân buổi đầu tiên trên đến những đợt di cư do nhiều biến cố xã hội sau này đã cùng nhau khẩn khai, xây dựng mới với những ước mơ mới.



Bến tàu chợ Biên Hòa xưa

Trải qua bao biến cố lịch sử, lúc thăng, lúc trầm, trong suốt quá trình di cư và định cư ở Đồng Nai, người Hoa đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc khai phá, xây dựng, vùng đất này. Bao cái còn, cái mất với thời gian nhóm cộng đồng người Hoa đã để lại những dấu ấn của mình trong diễn trình lịch sử

của Đồng Nai. Mà ở đó không chỉ là nỗi hoài niệm trong quá khứ của một lịch sử, của những cái đã từng tồn tại hay đã mất mà cả những điều tưởng chừng như vô hình lại trở thành hữu thể trong một đời sống tinh thần được thể hiện phong phú, đa dạng cho đến tận hôm nay.

Cũng như các bang khác của người Hoa ở Biên Hòa, người Hoa bang Hẹ (Sùng Chính) có mặt trên đất Biên Hòa từ khá sớm. Người Hẹ cùng với các bang khác đã đến Cù lao Phố khai hoang, lập ấp, xây dựng phố xá, phát triển nơi đây thành một thương cảng sầm uất bậc nhất xứ Đàng trong suốt thế kỷ XVII - XVIII. Người Hẹ có nghề thủ công cổ truyền là điêu khắc đá nên định cư ở Cù lao Phố một thời gian thì họ di chuyển đến sinh sống ở khu vực Bửu Long - nơi có nguồn nguyên liệu đá xanh dồi dào, chất lượng tốt, dễ khai thác, phù hợp với nghề truyền thống từ chính quốc. Làng nghề điêu khắc đá ở Bửu Long hình thành trong thời gian này và được phát triển cùng với các nghề: mộc và rèn. Giữa các nghề này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, nghề này nương nhờ vào nghề kia để tồn tại và phát triển.

Đến nay, các làng nghề mộc và rèn đã bị mai một, chỉ còn nghề điêu khắc đá vẫn tồn tại và phát triển khá thịnh vượng. Bằng sự kết hợp giữa đôi tay khéo léo, lành nghề cùng với máy móc hiện đại, sản phẩm của làng đá Bửu Long rất đa dạng, phong phú và thông dụng. Các công trình xây dựng bằng đá như: tượng đài, bậc tam cấp, kỳ lân, tượng đá, hoa văn trang trí rồng phượng; đồ thờ cúng trong các cơ sở tín ngưỡng như: tứ linh, bia mộ, bàn thờ, đèn đá, lư hương, chân đèn đến những đồ dùng trong sinh hoạt gia đình như: cối, chày, ly, bàn, cờ tướng... Tất cả đều mang quan điểm nhân sinh của nghệ nhân làm đá được thể hiện trong mỗi sản phẩm.

Nhờ nét độc đáo trong từng sản phẩm của làng đá Bửu Long đã vươn xa theo sông Đồng Nai đi đến các tỉnh lân cận, miền Tây và các tỉnh miền Bắc. Sau giải phóng (30/4/1975), do yếu tố khách quan về mối quan hệ hôn nhân giữa người Hẹ với người Việt và tác động của nền kinh tế thị trường, dần dần ở khu vực Bửu Long đã xuất hiện những người Việt làm đá. Mặc dù có sự giao thoa ấy nhưng chủ nhân của làng nghề này chủ yếu vẫn là người Hoa bang Hẹ. Nghề điêu khắc đá tồn tại cùng với một số nghề khác của người Hoa ở Bửu Long hiện

nay như: nấu ăn, buôn bán nhỏ đã trở thành nghề chính nuôi sống họ và một số người Việt ở nơi đây.



Điêu khắc đá ở làng đá Bửu Long

3. Lược sử Miếu Tổ sư

3. 1. Tên gọi: Miếu Tổ sư

Trước 30/4/1975, Miếu Tổ sư thuộc xã Tân Thành, Tổng Phước Vinh Trung, Quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Miếu nằm sát Tỉnh lộ 24, mặt quay hướng Tây Bắc nhìn ra sông Đồng Nai. Từ trung tâm thành phố Biên Hòa đi đường bộ theo đường Huỳnh Văn Nghệ (hướng Tân Triều, Vĩnh Cửu) hoặc đường thủy theo sông Đồng Nai khoảng 3km đến bến đá Bửu Long là tới di tích.

Trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển, Miếu Tổ sư có rất nhiều tên gọi khác nhau như: Tiên Sư Cổ Tổ Miếu, Tiên Sư Tổ Miếu. Về sau (khoảng trên 100 năm nay) do phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu nên người dân địa phương quen gọi miếu là Thiên Hậu Cổ Miếu, Chùa Bà hay Chùa Bà Thiên Hậu. Miếu Tổ sư được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận là di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật vào ngày 24/4/2008 theo quyết định số 981/QĐ-UB do Phó Chủ tịch UBND tỉnh ký.



Bảng xếp hạng Di tích cấp tỉnh của Miếu Tổ sư

3.2. Lịch sử xây dựng và quá trình trùng tu di tích:

Đến nay, vẫn chưa tìm thấy tài liệu, thư tịch cổ thành văn nào viết về năm xây dựng Miếu Tổ sư một cách cụ thể. Theo hồi cố của một số bô lão người Hoa bang Hẹ ở địa phương thì trước đây trên cổng bằng đá của miếu có ghi năm xây dựng: đời vua Khang Hy 16 (tức năm Canh Thân - 1680), trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cổng miếu đã bị phá hủy (hiện miếu còn lưu hình ảnh cổng đá của Miếu Tổ sư trong Lễ hội làm Chay trước 30/4/1975). Sau giải phóng 1975, Ban Trị sự miếu đã xây mới cổng kiểu Tam quan như hiện nay. Theo một số sách xuất bản tại địa phương như: *Làng đá Bửu Long, Đồng Nai - di tích lịch sử văn hóa* thì Miếu Tổ sư xây dựng sau chùa Ông ở Cù lao Phố một thời gian không lâu lắm¹.

Khởi dựng, Miếu Tổ sư có quy mô nhỏ, chỉ là gian Chánh điện hiện nay, mái lợp ngói âm dương ống ngõa (hay còn gọi âm dương tiêu đại, đây là loại ngói đặc trưng của người Trung Hoa thường dùng trong các công trình xây dựng đình, chùa, miếu), tường, cột, xà ngang, nền đều làm bằng đá xanh Bửu Long. Nội thất chỉ có một bàn thờ ba vị: Tổ nghề đá, Tổ nghề mộc và Tổ nghề rèn. Thời gian sau (năm 1886 và 1894), người Hoa bang Hẹ ở Bửu Long làm ăn

¹ Theo *Lý lịch hồ sơ khoa học di tích chùa Ông* thì chùa Ông được xây dựng năm 1684 (di tích đã xếp hạng cấp Quốc gia năm 2001, tài liệu lưu tại BQL Di tích - Danh thắng Đồng Nai).

ngày càng sung túc, phát tài, họ mới đóng góp công của trùng tu, sửa chữa, nâng cấp ngôi miếu khang trang, đồ sộ như ngày nay. Trước Cách mạng tháng Tám 1945 và trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Miếu Tổ sư cũng được tiến hành trùng tu, sửa chữa nhiều lần vào các năm: 1904, 1924, 1941, 1967, 1970. Các hạng mục sửa chữa chủ yếu xây thêm một số bệ thờ, làm một số bao lam, liễn đối bằng gỗ; trang bị thêm đồ thờ cúng như: lư hương, chân đèn, làm nhà võ ca... Năm 2001, Ban Trị sự miếu tiếp tục sửa chữa, sơn phết lại các tấm bao lam, hoành phi, liễn đối; xây cao hàng rào bảo vệ bao quanh bằng gạch thẻ và xi măng; tu sửa sân; chỉnh trang khuôn viên khang trang, sạch đẹp. Đến cuối năm 2006, Ban Trị sự tháo bỏ nhà võ ca dựng một nhà vòm, rộng và thông thoáng hơn ở sân miếu để thuận lợi cho việc tổ chức Lễ hội làm Chay và các hoạt động khác của miếu.



Miếu Tổ sư trước khi trùng tu năm 2006



Miếu Tổ sư sau khi trùng tu năm 2006

3.3. Nhân vật thờ tự tại di tích:

Theo quan niệm của người Trung Hoa và Việt Nam, Tổ sư nghề nghiệp có 3 vị (tam vị thánh tổ) là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư. Nhưng đây chỉ là ba biểu tượng mà thôi. Thánh sư là những vị có công khai sáng nghề nghiệp, Tổ sư là những vị có công cải tiến nghề nghiệp và Tiên sư là những vị có công truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau. Nhân dân thường cụ thể hóa ba biểu tượng này là ba nhân vật.

Tổ sư nghề nghiệp gồm hai nhóm: Thủy tổ thần và Thành thần. Cũng theo sách này, Tổ nghề đá, Thủy tổ thần là Nữ Oa nương nương (theo thuyết Nữ Oa

luyện đá vá trời) và Thành thần là Lỗ Ban Tiên Sư (người có công cải tiến và truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau).



Hương án thờ ba vị Tổ sư

Như vậy Tam vị Thánh tổ là ba vị Thành thần. Trên thực tế, khi đem vào thờ tự tại các cơ sở tín ngưỡng, tùy từng địa phương, cộng đồng cư trú lại có sự thay đổi nhân vật thờ tự cho phù hợp với ngành nghề của họ. Đó là sự tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng. Khi sang định cư ở Việt Nam, người Hoa (cụ thể là bang Họ) có lẽ đã mang trong tâm thức mình về nghề đá và hình ảnh ông Ngũ Đãng (Ngũ Đinh) nên ở Miếu Tổ sư, Ngũ Đãng Tiên Sư được đặt ở vị trí thờ tự chính giữa và có bài vị cao hơn so với hai vị còn lại là Tổ nghề mộc và rèn, mặc dù ông không phải là người có công chính trong việc sáng chế nghề đá. Ba vị Thánh tổ thờ tại Miếu Tổ sư là Ngũ Đãng tiên sư, Lỗ Ban tiên sư, Uất Trì Cung tiên sư. Bài vị thờ đều phong cho các vị này những chức tước rất cao, biểu lộ niềm sùng tín, ngưỡng mộ, biết ơn các bậc khai sáng nghề nghiệp.

Việc thờ ba vị Tổ này giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa ba nghề, dựa vào nhau cùng tồn tại và phát triển. Nghề rèn làm và sửa dụng cụ búa, đục các loại cho nghề mộc, nghề đá. Nghề đá, mộc làm ra sản phẩm để nuôi sống mình và nghề rèn.

Ngoài ra, Miếu Tổ sư còn phối thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Công (Quan Vũ, Quan Vân Trường, Quan Thánh Đế Quân). Việc phối thờ các đối tượng này xuất phát từ việc bảo tồn tín ngưỡng cộng đồng, thờ những vị phúc thần của người Hoa nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của khách hành hương từ khắp bốn phương về cúng bái chứ không chỉ giới hạn trong cộng đồng người Hoa bang Hẹ làm nghề điêu khắc đá tại địa phương.



Hương án thờ Bà Thiên Hậu



Hương án thờ Quan Thánh Đế quân

3.4. Khảo tả di tích

Miếu Tổ sư tọa lạc trong một khu đất tương đối bằng phẳng, rộng 2.836.6m². Mặt tiền quay theo hướng Tây Bắc, nhìn ra Tỉnh lộ 24 (đường đi Tân Triều - Vĩnh Cửu) và sông Đồng Nai đón gió lành. Mặt sau miếu dựa vào núi Long Ân (hướng Đông), bên trái (hướng Bắc) giáp khu Danh thắng Bửu Long, bên phải (hướng Nam) giáp nhà dân. Miếu thuộc tổ 30, khu phố 5, phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa. Đây là ngôi miếu có địa thế phong thủy đẹp (mặt hướng ra sông Đồng Nai, lưng dựa núi Long Ân). Miếu có hai cổng ra vào (nhị cổng), thường gọi là cổng ngoài và cổng trong.

Cổng ngoài còn gọi là cổng Tam quan, có kiến trúc rất đẹp, được tạo dựng bởi 4 cột vuông, chia thành ba lối vào. Mái cổng lợp ngói âm dương ống ngỗng men xanh có trang trí hoa văn hình lá bồ đề ở đường riềm mái. Trên nóc mái là hệ thống kiến trúc đá rất độc đáo, với cặp lưỡng long châu mặt trời tượng trưng cho mưa thuận gió hòa và cặp cá hóa long tượng trưng cho sự thành đạt. Mặt

trước cổng đề 3 dòng chữ Hán màu vàng: chính giữa là *Thiên Hậu cổ miếu*, bên trái là *Thiên hạ thái bình* và bên phải là *Như sở đề an*.



Cổng tam quan của di tích

Phía trong cổng Tam quan là khoảng sân ngoài rộng, diện tích 1.419m². Sân được trồng một số cây cổ thụ như: bồ đề, phượng, bàng... quanh năm tỏa bóng mát. Từ cổng ngoài đi theo con đường mòn rải đá mi dài khoảng 50m, rộng 5,8m là đến cổng trong. Cổng trong thiết kế đơn giản, được tạo dựng bởi hai cột xây gạch thẻ, xi măng vuông (cạnh 40cm x 40cm) ngoài ốp 25 hàng đá xanh, trước hai trụ cột phía ngoài có đặt hai con kỳ lân bằng đá.

Qua khỏi cổng trong là đến sân trong của miếu. Sân trong có diện tích 344.2m², nền lát xi măng. Cứ vào dịp Lễ hội làm Chay, sân trong lại nguy nga, lộng lẫy với những sắc màu rực rỡ bởi một điện thờ với bàn hương án đặt trên bục gỗ khoảng 36m² ở chính giữa sân, đây là nơi diễn ra các nghi thức tế lễ.

Miếu Tổ sư gồm ba tòa nhà riêng biệt nhưng liên kết với nhau bởi bố cục mặt bằng theo kiểu “nội Công ngoại Quốc” (国) gồm một tòa nhà chính giữa gọi là điện thờ chính bao gồm: Tiền điện, Trung điện và Hậu điện hình chữ Công (工), hai dãy nhà bao quanh là nhà khách, nhà bếp và nhà thờ các vị tiền bối hình chữ Khẩu (口). Miếu Tổ sư là ngôi miếu duy nhất ở Đồng Nai được xây

dựng bằng vật liệu hoàn toàn bằng đá xanh Bửu Long, từ lan can, cột, vách, khuôn cửa, bậc thềm, các khám thờ, hàng rào đến cổng. Mái miếu lợp ngói âm dương ống ngõa màu xanh lưu ly.

*** Điện thờ chính (Tòa nhà chính giữa):**

Đây là nơi thờ phụng chính của miếu với tổng diện tích là 155,6m² (18.53m x 8.4m). Điện thờ có mặt bằng dạng chữ Công (工) gồm ba gian (gian ngoài là Tiền điện thờ Phước đức lão gia; giữa là gian Trung điện (còn gọi là Thiên Tỉnh) thờ trời, đất; trong cùng là gian Hậu điện thờ Tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân).



Điện thờ chính của di tích

- **Tiền điện:** Tiền điện cũng là mặt trước của miếu, có diện tích 39,5m². (4.71m x 8.4m), là dạng nhà ba gian hai mái ngang, lợp ngói âm dương tiểu đại hay còn gọi là ống ngõa, cuối mái có đường riềm hình lá bồ đề và hoa văn dây leo màu xanh. Đây là kiểu mái đặc trưng của những công trình kiến trúc tín ngưỡng Trung Hoa.

Trên nóc Tiền điện cũng là mặt trước của mái miếu là một công trình nghệ thuật đặc sắc với hàng trăm tiểu tượng người, vật... bằng gốm men xanh thể hiện các lễ hội, tuồng tích tiêu biểu của người Trung Hoa như: cảnh hát bội, hát tuồng, múa hát cung đình, tập võ, đá cầu, tiên đồng, ngọc nữ, phù điêu mai,

lan, trúc, cúc; 01 cặp lưỡng long tranh châu; một cặp cá hóa long đuôi vểnh lên cao tượng trưng cho sự giàu có. Bước vào Tiền điện phải qua bậc tam cấp và hành lang còn gọi là tiền sảnh rộng khoảng 3m chạy suốt chiều ngang mặt tiền miếu. Hành lang được tạo dựng từ nền, cột đến tường hoàn toàn bằng đá xanh thô Bửu Long. Qua khỏi tam cấp là đến cửa (đây cũng là cửa chính ra vào miếu). Khung cửa làm bằng đá xanh nguyên khối (rộng 1m16, cao 2m40), hai cánh cửa bằng gỗ sao sơn đỏ (cao 2m40, rộng 50cm, cánh cửa dày 5cm), trên hai cánh cửa có đề chữ Hán *Văn Thừa* và *Võ Úy* (quan Văn, quan Võ ngày xưa).

- **Trung điện:** Còn gọi là sân Thiên tinh hay Giếng trời, là nơi thờ trời và đất nằm chính giữa Tiền điện và Hậu điện có diện tích 47,1 m² (5.61m x 8.4m). Trung điện là căn nhà ba gian chỉ có hai bức tường tả hữu, mặt trước không có tường bao che mà thông với Tiền điện, mặt sau thông sang Hậu điện. Trung điện có mái kiểu bánh ít (hai mái chính, hai mái phụ), lợp ngói âm dương ống ngõa tráng men xanh, phía dưới trang trí đường riềm hoa văn hình lá bồ đề.

- **Hậu điện:** Ở phía sau Trung điện, nền cao hơn Trung điện khoảng 20cm. Hậu điện là nơi thờ Tam vị Tổ sư (Mộc, Đá, Rèn), bên trái thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, bên phải thờ Quan Thánh Đế Quân.

Hậu điện có diện tích 69m² (8.21m x 8.4m) là căn nhà ba gian, được dựng bởi 02 hàng 06 cột (04 cột hình vuông bằng đá có kích thước: cao 4m76, cạnh 30cm x 30cm); 02 cột gỗ hình tứ giác sơn đỏ, kích thước 4m76, đường kính 45cm), chân cột kê trên đế đá hình vuông để chống mối mọt. Nền lót gạch hoa màu xanh, trắng. Hậu điện gồm hai mái lợp ngói âm dương ống ngõa men xanh, trên bờ nóc trang trí lưỡng long tranh châu tượng trưng cho mưa thuận gió hòa, cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đối xứng hai bên là cặp cá hóa rồng tượng trưng cho sự giàu sang. Tường Hậu điện xây bằng đá dày 40cm rất chắc chắn, bền vững.

Đặc biệt, Hậu điện được bài trí các điện thờ, hoành phi, liễn đối, bao lam địa võng do các nghệ nhân dân gian chạm trổ tinh vi, sắc xảo mang tính nghệ thuật cao. Nội dung các bức hoành phi, câu đối phần lớn ca tụng về tài đức của các vị Tổ làm nghề đá, nghề mộc, nghề rèn và nhắc nhở những người làm nghề đá cần thận giữ lấy nghề với tâm chính đức độ... Đề tài trang trí trên các bao lam

như: lưỡng long tranh châu, cửu long tranh châu, tứ linh tượng trưng cho hạnh phúc, phồn vinh, tước lộc, công hầu theo phong tục của người phương Đông. Bộ khung, vì kèo ở Hậu điện mang đậm kiến trúc Trung Hoa theo lối: “chồng rường, giá chiêng”. Tuy không có chạm khắc, trang trí gì nhưng được sơn đỏ làm cho bộ khung, vì kèo nhìn rất khỏe khoắn, cổ kính và linh thiêng.

* **Nhà thờ các vị tiên bồi (Tòa nhà bên trái):** trưng bày các hình ảnh hoạt động của miếu và một phần sử dụng làm kho.

Từ sân trong của miếu đi qua một cửa sắt màu đỏ có kích thước (1,1m x 2,06m), phía trên có dòng chữ Hán **Như sở đề an** vào Nhà thờ các vị tiên bồi. Đây là dãy nhà ngang ba gian diện tích khoảng 87.9m². Hai mái lợp tôn giả ngói, màu đỏ nâu, nền lát gạch bông, tường xây bằng đá xanh, dày 40cm. Toàn bộ mặt trước Nhà tiên bồi để trống, không có cánh cửa, quay mặt vào tòa nhà chính giữa thông sang Trung điện qua hành lang rộng 3m và một lối nhỏ. Phía trên các cột là hệ thống bao lam gỗ sơn màu giả đồng trang trí đề tài chim muông, cây cỏ, hoa lá.... Ba gian có kích thước bằng nhau (29.3m²). Gian ngoài cùng (sát sân) được ngăn cách với hai gian trong bởi bức tường đá dày 40cm, có một lối đi nhỏ cánh cửa bằng gỗ, sơn màu đỏ thông qua, nơi đây được sử dụng làm kho nhang đèn. Hai gian trong thông thoáng với nhau. Ở chính giữa tường gian cuối cùng đặt bàn thờ các vị tiên bồi có công đóng góp tiền của trùng tu ngôi miếu bằng đá. Trên tường hai gian đều trưng bày hình ảnh hoạt động của miếu, đặc biệt là những hình ảnh về Lễ hội làm Chay.

* **Nhà khách và nhà bếp (Tòa nhà bên phải):**

Từ sân trong của miếu đi qua một cửa sắt sơn đỏ có kích thước như cửa nhà thờ các vị Tiên bồi, phía trên cửa có dòng chữ Hán **Thiên hạ thái bình** bước vào nhà khách và nhà bếp.

Từ sân trong của miếu đi qua một cửa sắt sơn đỏ có kích thước như cửa nhà thờ các vị Tiên bồi, phía trên cửa có dòng chữ Hán **Thiên hạ thái bình** bước vào nhà khách và nhà bếp. Căn nhà có diện tích khoảng 251.6m², kiến trúc giống hệt nhà thờ các vị Tiên bồi. Đây cũng là dãy nhà ngang gồm ba gian, tường xây bằng đá xanh Bửu Long, dày 40cm, hai mái ngang lợp tôn giả ngói màu đỏ nâu, bộ khung vì kèo bằng sắt sơn đỏ, nền lót gạch men xanh, trắng.

Cũng như nhà thờ các vị Tiên bối, toàn bộ mặt trước nhà khách và nhà bếp để trống, không có cánh cửa, quay mặt vào điện thờ chính thông qua Trung điện bằng một hành lang rộng khoảng 3m. Mặt trước nhà là hệ thống bao lam bằng gỗ sơn giả đồng, trang trí họa tiết chim muông, cây cỏ, hoa lá.... Gian ngoài cùng (sát sân) ngăn cách bởi tường đá được sử dụng làm nhà bếp, hai gian còn lại được sử dụng làm nhà khách. Nơi đây dùng để tiếp đón khách trong những ngày lễ trọng đại của miếu.

*** Lớp học Sùng Đức:**

Nằm sát nhà thờ các vị Tiên bối (hướng Nam), quay mặt ra sân trong của miếu, lớp học được xây dựng theo kiểu nhà ống (nhà cấp 4), có diện tích 188.3m² (21.4m x 8.8m). Tường xây gạch thẻ, xi măng tô đá rửa, mái lợp tôn. Lớp học được thiết kế với 1 cửa xếp ra vào bằng sắt (4m x 6.5m) và 1 cửa sổ bằng gỗ sơn màu xám; nền lát gạch hoa. Đây là nơi để dạy cho con em người Hoa bang Họ học tiếng Hoa. Đến nay lớp học vẫn duy trì và thu hút cả những người gốc Việt có nhu cầu học tiếng Hoa.



Kết cấu hệ thống cột, rầm, xuyên... của di tích

3.5. Các ngày lễ chính trong năm của di tích

Hàng năm Miếu Tổ sư tổ chức các ngày lễ lớn:

+ Lễ vía Châu Xương (13 tháng giêng): tổ chức cúng mặn trong một buổi sáng, trước đây có mời các Bang người Hoa tới dự, hiện nay lễ chỉ được tổ chức

trong phạm vi bang Họ. Lễ vật cúng gồm vịt, heo quay, hương,đăng, trà, quả, vàng mã

+ Lễ Khai ân (19 tháng giêng) hay còn gọi là “trời lũng” nghi lễ được diễn ra lúc 12 giờ khuya. Trước lễ, trưởng ban và 2 phó ban khẩn nguyện sau đó tổ chức đóng dấu ấn vào trong các tờ giấy màu để bà con thỉnh về nhà treo trước cửa. Gồm có ba tờ giấy tượng trưng cho ba bàn thờ trong chùa, trên giấy được vẽ và viết chữ Hán: Thiên Hậu sắc hợp, Tiên Sư vượng tướng, Đế quân phù trì. Lễ được diễn ra tới 3 giờ sáng sau đó có tiệc mặn đãi khách.

+ Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu (23 tháng ba âm lịch): là lễ Vía của người Hoa diễn ra ở hầu hết các miếu có thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu nên lễ Vía Bà ở Miếu Tổ sư không tổ chức lớn mà chỉ là dịp để người dân tưởng nhớ đến Bà Thiên Hậu. Lễ vật cúng Bà bao gồm: hoa quả, nhang đèn và các đồ cúng mặn như: gà, vịt, heo quay. Trong dịp lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu, Ban Trị sự miếu còn tổ chức bán đấu giá lồng đèn, đến nay nghi thức này không còn.



Nghi cúng tại hương án Ông Tiêu

+ Lễ cúng Bà Thiên Hậu (từ mùng 10 đến 13 tháng 6 Âm):

- Ngày thứ nhất (Khai lễ làm chay), bao gồm các nghi thức:

Khai lễ chiêu thỉnh Chư thần; lễ Khai đàn - khai quang điểm nhãn; Đãi cơm chay, biểu diễn võ thuật, ca kịch, lân sư rồng.

- Ngày thứ hai (Khai kinh cầu an), bao gồm các nghi thức:

Lễ Khai kinh cầu an; lễ Ngộ môn đáp tướng; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.

- Ngày thứ ba (Chánh lễ làm chay), bao gồm các nghi thức:

Lễ Khai bảng, hội thỉnh lòng đèn; lễ phóng thủy đăng; lễ lập đàn chay, làm lễ bắc cầu; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.

- Ngày thứ tư (Kết lễ làm chay), bao gồm các nghi thức:

Lễ Cúng thí, xô giàn; cúng cả mặn kết lễ; đãi cơm chay, biểu diễn ca kịch, lân sư rồng.



Chương 2

Cảm nghĩ về giá trị văn hóa – lịch sử di tích Miếu Tổ sư

1. Giá trị cảnh quan, môi trường

Miếu Tổ sư tọa lạc trên một khu đất tương đối bằng phẳng có địa thế phong thủy đẹp (mặt hướng ra sông Đồng Nai, lưng dựa núi Long Ân). Miếu có hai cổng ra vào (nhị cổng), thường gọi là cổng ngoài và cổng trong.

Miếu Tổ sư gồm ba tòa nhà riêng biệt nhưng liên kết với nhau bởi bố cục mặt bằng theo kiểu “nội Công ngoại Quốc” (内国) gồm một tòa nhà chính giữa gọi là điện thờ chính bao gồm: Tiền điện, Trung điện và Hậu điện hình chữ Công (工), hai dãy nhà bao quanh là nhà khách, nhà bếp và nhà thờ các vị tiền bối hình chữ Khẩu (口). Miếu Tổ sư là ngôi miếu duy nhất ở Đồng Nai được xây dựng bằng vật liệu hoàn toàn bằng đá xanh Bửu Long, từ lan can, cột, vách, khuôn cửa, bậc thềm, các khám thờ, hàng rào đến cổng. Mái miếu lợp ngói âm dương ống ngỗng màu xanh lưu ly.



Lễ hội làm Chay (vía Tổ sư) của di tích

Miếu Tổ sư kết hợp cùng khu danh thắng Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên tạo thành một bức tranh sơn thủy hữu tình trong phạm vi của đô thị Biên Hòa. Cảnh quan này không chỉ vang tiếng trong thời kỳ đầu khai khẩn mà con cho

đến hôm nay, trong bức tranh đô thị ngày càng phát triển. Cảnh trí di tích Miếu Tổ sư độc đáo, trang nghiêm với nghi ngút khói hương, loan tòa cùng cảnh chùa Bửu Phong tịch mịch, địa cảnh phong quang trên ngọn núi Bình Điện như một nét chấm phá độc đáo của cảnh quan vùng đất Biên Hòa. Với cảnh quan như chốn Tiên bồng hạ giới của quần thể di tích quanh núi Bửu Long (trong đó có di tích Miếu Tổ sư), sẽ giúp cho chúng ta thư giãn tinh thần, giảm căng thẳng, cân bằng hơn với cuộc sống trong thời buổi kinh tế, đô thị xô bồ, đầy rẫy những lo toan, tính toán về cơm, áo, gạo tiền...



Danh thắng Bửu Long



Văn miếu Trấn Biên

Biên Hòa - Đồng Nai là tỉnh công nghiệp với 30 khu công nghiệp, 43 cụm công nghiệp, hàng trăm nhà máy, xí nghiệp, hàng ngàn xe máy, xe ô tô các loại, hàng triệu con người ngày đêm thi nhau thải ra khói bụi, các chất nguy hại, làm ô nhiễm môi trường không khí, đất đai. Ngoài ra, cùng với việc phát triển công nghiệp là vấn đề đô thị hóa đất nông nghiệp, đất rừng, đất trồng cây xanh... làm mất vẻ mỹ quan, mất cân bằng sinh thái, môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do vậy, việc giữa lòng thành phố đô thị phồn hoa, di tích Miếu Tổ sư cùng quần thể di tích Bửu Long và Văn miếu Trấn Biên đã tạo ra một lá phổi xanh giúp cải tạo môi trường ngày càng trong lành, tạo ra không gian thoáng đảng, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư ở Biên Hòa – Đồng Nai.

2. Giá trị về lịch sử

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ, Miếu Tổ sư là đầu mối liên lạc thông tin và là nơi dự trữ vũ khí cho Chiến khu Đ. Là cơ sở tín ngưỡng của

người Hoa bang Hẹ - nơi có nhiều người tới cúng bái, tụ họp, nhân dân làm đá đến nộp thuế, thực dân Pháp không để ý tới nên trong khoảng thời gian từ 1945 đến 1948, Ban tiếp tế vũ khí miền Đông đã sử dụng miếu làm cơ sở chế tạo một số vũ khí như: bom, mìn tự chế, thuốc nổ... cất giấu và cung cấp cho Căn cứ Cách mạng Chiến khu Đ.

Từ năm 1948 cho đến cuối những năm kháng chiến chống Pháp, Miếu Tổ sư là Trụ sở của Tổ tình báo thị xã Biên Hòa (đồng chí Nguyễn Tấn Khanh làm đặc phái viên của Tổ). Miếu đã trở thành địa điểm bí mật để Tổ tiếp xúc với các cơ sở cách mạng dưới hình thức giả dạng người đi cúng miếu để liên lạc với các tổ chức bí mật ở nội thành thị xã Biên Hòa, chuyển những thông tin từ Chiến khu Đ về thị xã và ngược lại. Miếu Tổ sư còn là nơi chứng kiến thực dân Pháp tàn sát dã man người dân vô tội tại địa phương. Những người làm nông và buôn bán nhỏ tại địa phương như ông Khoan, ông Ba Tiên đều bị chúng bắn chết ngay tại miếu.



Sân bay Biên Hòa bị bộ đội ta đánh cháy



Tổng kho Long Bình bị bộ đội ta đánh cháy

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, một số cán bộ, bộ đội du kích thị xã Biên Hòa và xã Tân Thành đã cải trang thành những người thợ đá để bí mật hoạt động cách mạng. Đặc biệt, tại miếu vào năm 1968, đồng chí Nguyễn Thị Cẩm Y - một nữ biệt động tại thị xã Biên Hòa đã bắn trọng thương tên xã đội trưởng ác ôn tên Nhúc gây tiếng vang lớn.

Đến với di tích, du khách sẽ tìm hiểu những sự kiện lịch sử gắn với quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Đồng Nai nói chung và cộng

đồng người Hoa nói riêng. Di tích Miếu Tổ sư là trường học, nơi mọi người dân có thể tìm hiểu, tiếp thu những bài học lịch sử, những trang sử hào hùng của các thế hệ đi trước đã không quản ngại máu xương vì nền độc lập, tự do, hạnh phúc của nước nhà, của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đến với di tích, là góp phần làm tăng thêm lòng tin yêu dân tộc, đất nước, hun đúc thêm ý chí, nghị lực của bản thân trong hành trang đến tương lai tốt đẹp. Đặc biệt, hiện nay kiến thức lịch sử của một bộ phận học sinh, sinh viên còn yếu. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này như phương pháp giảng dạy thiếu trực quan, sinh động, quan niệm chưa đúng mức về tầm quan trọng của lịch sử, nhận thức về vai trò của lịch sử đối với quá trình phát triển đất nước còn nhiều mơ hồ, lạc lối. Do vậy, giá trị lịch sử của di tích Miếu Tổ sư là cơ sở quan trọng, góp phần giáo dục cho các thế hệ trẻ về truyền thống đấu tranh hào hùng của dân tộc ta, là địa chỉ quan trọng giúp cho các thế hệ nhận thức hơn về lịch sử. Đã đến lúc ngành giáo dục Đồng Nai nên đưa vào chương trình giảng dạy của mình về hệ thống các di tích lịch sử, văn hóa để học sinh, sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu và học tập những giá trị văn hóa lịch sử truyền thống của dân tộc. Ngoài ra, trong các môn về lịch sử, văn hóa nên đưa các em đến với di tích để các em có các nhìn trực quan, sinh động hơn nhằm tăng khả năng dung nạp kiến thức lịch sử, văn hóa khi được giảng dạy ở nhà trường.

3. Giá trị về văn hóa phi vật thể (tín ngưỡng, thiết chế văn hóa, lễ hội...)

3.1. Giá trị về tín ngưỡng, thiết chế văn hóa

Nằm trong hệ thống các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa ở Đồng Nai, Miếu Tổ sư có niên đại khá sớm, đánh dấu sự xuất hiện của cư dân người Hoa bang Hẹ trên đất Đồng Nai. Sự hòa quyện và phát triển nền văn hóa Việt - Hoa đã để lại những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng quý giá mà ngày nay vẫn được lưu giữ và bảo tồn. Cùng với chùa Ông ở Cù lao phổ, Miếu Tổ sư đã góp phần tạo nên nét văn hóa và tín ngưỡng đặc trưng của người Hoa. Cũng như nhiều cơ sở tín ngưỡng khác Đồng Nai, Miếu Tổ sư nổi lên như một viên ngọc sáng; là trung tâm sinh hoạt hành chính, văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của những người con vùng đất phương Nam mến yêu từ quá khứ lẫn hiện tại.

Ngôi miếu là nơi hội tụ, bảo lưu và truyền thừa nhiều giá trị văn hóa dân gian, tín ngưỡng truyền thống của cộng đồng các dân tộc cùng cộng cư; là nơi thể hiện rõ nhất hoạt động tín ngưỡng, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của người dân sở tại. Đây là một ngôi nhà chung của cộng đồng, nơi thờ bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, các vị Tổ sư khác, cùng các bậc Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ... của làng. Miếu Tổ sư còn là nơi thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của các thế hệ người Việt, Hoa đối với những người có công với nước, với làng, với dân.

“*Đất lành chim đậu*”, bao thế hệ người Hoa chọn vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai làm nơi sinh kế lâu dài, xây dựng quê hương, ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi do điều kiện thiên nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng của vùng đất mới, thì cộng đồng người Hoa cũng gặp không ít khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Tương truyền rằng, xưa kia vùng đất Bửu Long còn lắm hoang vu, rừng sâu, núi cao ẩn chứa nhiều huyền bí. Vào một ngày nọ, từ trên đỉnh núi Bửu Long một nghệ nhân làm nghề đá tên là Tào Khương, dùng thân mình lăn từ trên đỉnh núi vào miếu Tổ sư và xưng rằng mình là Bà Thiên Hậu hiển linh để cứu dân độ thế, tai qua nạn khỏi, đặc biệt là nạn dịch sắp tới. Linh ứng thay, một thời gian sau nạn dịch (theo cách kể của các vị bô lão thì nạn dịch đó có thể là dịch tả) đã làm chết rất nhiều người dân vùng Bửu Long. Để tránh khỏi tai ương đó, ông Tào Khương với hồn là Bà Thiên Hậu ứng nghiệm cho ra 103 quẻ thẻ xăm tương ứng với 103 bài thuốc Đông y để cứu dân lành. Người dân bị bệnh đến miếu xin xăm, được Bà Thiên Hậu cho xăm số mấy sẽ ứng với bài thuốc cùng số. 103 bài thuốc Đông y rất ứng nghiệm, nên đã cứu được rất nhiều người dân. Tuy nhiên, số người bị bệnh rất đông và hình thức xin xăm không thể cứu tất cả, nên ông Tào Khương được Bà Thiên Hậu mách bảo làm một con rồng bằng rom, sau đó dùng nhang cắm xung quanh. Con rồng được ông Tào Khương đưa đi khắp làng, đến đâu ông cũng dùng dao phóng để trừ tà ma, dịch bệnh. Cũng nhờ vậy, mà bệnh tật được đẩy lùi nhân dân biết ơn Bà Thiên Hậu nên lập đàn thờ chính tại Miếu Tổ sư – từ đó nhân dân mới gọi Miếu Tổ sư là Miếu Bà Thiên Hậu. Hiện nay, cuốn sách có 103 bài thuốc hiện do ông Tiêu Sơ ở Thiên Hậu Cung (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa gìn giữ.



Nghi lễ cầu an, cầu siêu trong lễ hội làm Chay



Thả hoa đăng trong lễ hội làm Chay

Mức độ chính xác của câu chuyện chúng ta chưa bàn tới bởi đúng sai là điều không quan trọng ở khía cạnh nghiên cứu này. Song qua câu chuyện đã chứng minh di tích Miếu Tổ sư có một vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, tâm linh đối với cộng đồng người Hoa bang Hẹ nói riêng và người Hoa ở Biên Hòa nói chung. Ngôi miếu là nơi chở che về đời sống tâm linh của nhiều thế hệ người Hoa, giúp cho cộng đồng an tâm sinh sống và làm ăn lâu dài trên quê hương thứ hai của mình.

Di tích miếu Tổ sư có một vai trò lớn là chỗ dựa niềm tin và tâm linh cho công cuộc mưu sinh của cộng đồng người Hoa. Do vậy, hàng ngày có rất nhiều người đến di tích cầu an và xin xăm trong công việc làm ăn, cũng như những vấn đề khác trong cuộc sống đời thường. Nói về tập tục xin xăm ở Miếu Tổ sư có nhiều nét khác biệt so với nhiều di tích khác của người Hoa ở Biên Hòa. Thông thường, tại các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa, xăm gồm 100 thanh tre tương ứng với 100 quẻ, mỗi thanh có đánh số thứ tự từ 1 đến 100, nhưng với di tích Miếu Tổ sư có hai loại xăm gồm xăm thường và xăm thuốc, mỗi loại gồm 103 quẻ, được giữ riêng trong hai lọ. Loại xăm trị bệnh được dùng chữ Hán để đánh số, loại xăm thông thường đánh theo số thứ tự 1, 2, 3... Người đến xin xăm trị bệnh, sau khi được quẻ xăm số mấy sẽ đến Thiên Hậu Cung (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa) lấy thuốc. Trong 103 quẻ xăm thông thường dùng để cầu an, cầu tài, cầu duyên... có 03 quẻ xăm đặc biệt với tên gọi là tam khô (xăm đỉnh khô, xăm á khô và xăm đô khô). Đây là 03 quẻ xăm mà các cơ sở tín ngưỡng khác của cộng đồng người Hoa không có. Xăm đỉnh khô, xăm á

khôi và xăm đô khôi là những lá xăm cực tốt mà người xin hằng mong ước. Do vậy, xưa kia nếu xin được một trong ba quẻ xăm này, người xin phải nộp “phạt” cho miếu 20 lít dầu cùng lễ vật cúng Bà Thiên Hậu như gà, vịt, heo quay để tạ ơn Bà. Sau đây tôi xin trình bày nội dung của ba lá xăm tam khôi:

- Xăm đỉnh khôi (Thượng thượng):

+ Xăm chữ:

*“Nhất điểm xuân lai vạn vật tân
Thiên hồng vạn tử ngẫu phương phi
Hạnh trì mai tảo hà tiên hậu
Nhứt thiết huê khai tự hữu thời”*

+ Nghĩa xăm:

*“Xuân về vạn vật mới thay
Muôn hồng ngàn tia ấy ngày xinh tươi
Mai sớm hạnh chậm đến nơi
Kết bông đơm trái nhằm thời mới nên”*

+ Lời bàn giải:

Quẻ xăm này thuộc Mộc, phải đợi mùa xuân mà cầu khẩn thì vạn sự mới đặng như sở nguyện. Hoặc cầu trong tháng hay ngày thuộc Mộc thì tốt lắm. Còn mùa Hạ, Thu, Đông thì ít tốt. Đàn bà phải lo ngừa bệnh hoạn. Cầu hôn nhơn trong 4 mùa đều tốt. Có thai mùa Xuân ắt sanh đặng nam tử. Người xin quẻ xăm này chẳng ngại tiếng thị phi. Xăm đúng câu: “Tài lợi tương tùy, an tâm cầu Vọng”.

- Xăm Á khôi (Thượng thượng):

+ Xăm chữ:

*“Tiên quân thiên tước cứu năng ta
Thiên tước diên năng phú khả cầu
Độc thính nghiêu dai hư xướng bãi
Thử trì tánh tự quán quần lưu”.*

+ Nghĩa xăm:

*“Tiền duyên khen đã khóc tu
Ngày nay đã đặng nên người giàu sang
Tiền trình muốn hỏi cho tàng
Dẫn đường chỉ nẻo quới nhơn hộ trì”.*

+ Lời bàn giải:

Người xin đặng quẻ xãm này trăm việc chi cũng phải rán lo đề phòng bởi xãm thuộc về ngũ hành, tốt ít xấu nhiều, trước phải chịu khó, sau mới dễ dàng. Cầu công danh thì mùa xuân mới tốt; căn bệnh người già nên cẩn thận, phải cúng thần thánh họa may mới giảm. Trong việc kiện thưa và cầu tài lợi có quới nhơn tiến dẫn; phải ngừa tiểu nhơn ám hại; việc hôn nhơn bất thành. Xãm đúng câu: “Cầu tài, cầu quan hợp, căn bệnh phải lo âu”.

- Xãm đô khôi (Thượng thượng):

+ Xãm chữ:

*“Dạ quang minh nguyệt ánh phi thường
Hạnh tế xương kỳ khứng thối toàn
Thiện giá kỹ năng tòng mỹ nguyện
Tự nhiên thính dự hiển chiêu xa”.*

+ Nghĩa xãm:

*“Đêm sáng trăng trong cảnh lạ thường
Gặp thời rán chí giúp quân vương
Đừng đem giá ngọc chờ cao mãi
Thanh giá từ đây khắp bốn phương”*

+ Lời bàn giải:

Quẻ xãm này thuộc Hỏa, như tích Thái Ứng thưởng kiếng mùa Thu, phạm chur sự. Người xin đặng quẻ xãm này phải lo đề phòng tai khốc trong gia trạch. Việc hôn nhơn thực huyền, phải lo ngừa cẩn thận. Chỉ có cầu danh thì được toại nguyện mà thôi. Trong việc kiện thưa có quới nhơn phò trợ. Bệnh đặng gặp thầy. Xãm đúng câu: “Kiện thưa đắc lý, đi xa thành công. Cầu bệnh khó thành, phai tua van vái”.

Di tích Miếu Tổ sư là một thiết chế văn hóa của cộng đồng người Hoa nói chung và nghề đá ở Bửu Long nói riêng; là địa chỉ tin cậy để người Hoa có kết cộng đồng lại với nhau. Đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai chung sống với các dân tộc khác trong công cuộc khai mở vùng đất này, người Hoa đã cố gắng đoàn kết lại, nương tựa vào nhau. Sự cố kết đó đã giúp người Hoa không chỉ trụ vững trong cuộc sống vật chất, mà còn bảo tồn được bản sắc văn hóa, tạo được thế mạnh vật chất và tinh thần cho cộng đồng người Hoa. Thông qua những hình thức sinh hoạt tín ngưỡng ở di tích, người Hoa gặp gỡ, chia sẻ tình cảm, tâm tư và giúp đỡ nhau trong công việc cuộc sống. Rộng hơn là cộng đồng người Hoa, cơ sở tín ngưỡng Miếu Tổ sư với các hoạt động tín ngưỡng của mình, đã liên kết với nhau một cách khá chặt chẽ, bảo bọc nhau, gần gũi nhau hơn. Hoạt động tín ngưỡng của người Hoa còn gắn liền với các hoạt động xã hội khác, đặc biệt là hoạt động từ thiện. Trước đây, Miếu Tổ sư còn là cơ sở nuôi dưỡng, lưu trú của những trường hợp khó khăn về chỗ ở và kinh tế của cộng đồng người Hoa thông qua các hình thức tương trợ như bố thí, phước sương...

Hàng năm vào các dịp lễ tết, những người tham gia làm nghề đá ở Bửu Long cùng chung tay với bá tánh để tổ chức các hoạt động lễ nghi tại di tích. Thông qua các ngày cúng tế là dịp để các nghệ nhân, những người tham gia làm nghề đá giao lưu, trao đổi nghề nghiệp, giúp đỡ với nhau để cùng nhau phát triển. Về mặt nào đó tín ngưỡng thờ Tổ sư sẽ giúp người làm nghề yên tâm, tin tưởng và hy vọng vào công việc làm ăn của mình, mong chờ vào sức mạnh của Thần phù hộ để vượt qua khó khăn, vực dậy khi thua lỗ trong cuộc cạnh tranh.

3.2. Giá trị về lễ hội văn hóa dân gian

Hàng năm, ở Miếu Tổ sư thường tổ chức các lễ hội vía Tổ sư (ngày 13 tháng 6 âm lịch), vía Thiên Hậu Thánh Mẫu (ngày 23 tháng 3 âm lịch), vía Quan Thánh Đế Quân (ngày 24 tháng 6 âm lịch). Đặc biệt, đáo lệ 3 năm một lần, miếu tổ chức lễ hội vía Tổ sư hay còn gọi lễ hội chùa Bà, lễ làm chay (từ ngày 10 đến ngày 13 tháng sáu âm lịch). Đây là lễ hội duy nhất miếu tổ chức cúng chay để tưởng nhớ công ơn của ba vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân, cầu phúc cho bá tánh. Đây là lễ hội lớn của người Hoa bang Hẹ cũng như

của cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa, thu hút đông đảo nhân dân (người Hoa và người Việt) ở địa phương và các vùng lân cận tham dự.

Ban đầu lễ vía Tổ sư là lễ hội có mục đích tôn vinh tổ nghề (lễ vật dùng trong lễ hội gồm: cây thước mộc, 5 tép chi màu, một cái kéo... là những dụng cụ của các nghề thủ công). Trước đây, vào những dịp này, những người thợ đá đều nghỉ việc và mỗi gia đình phải cử một hoặc hai người tham gia phụ giúp công việc ở miếu. Sau này, lễ hội không còn nguyên thủy là tôn vinh tổ nghề mà kết hợp cả tín ngưỡng thờ Quan Thánh Đế Quân và Thiên Hậu Thánh Mẫu nhưng vẫn giữ nguyên tính chất cầu an, cầu siêu, cầu phúc cho cộng đồng.



Lễ bắc cầu



Lễ bắc cầu

Lễ hội vía Tổ sư có tính chất, quy mô của lễ hội cổ truyền và có sự kết hợp khéo léo giữa tín ngưỡng dân gian với tôn giáo. Lễ hội nhằm tôn vinh Tổ nghề, tạ ơn Thần thánh đã che chở, phù hộ cho dân làng trong ba năm qua, cầu an cho cộng đồng, cầu siêu cho những vong hồn không được siêu thoát... Những nghi lễ này rất phù hợp với đạo lý của Nho giáo vốn rất coi trọng đạo đức, lễ nghi và thờ kính tổ tiên. Những nghi thức cúng trong ba ngày lễ cho thấy sự dung hợp giữa những nghi thức của Đạo giáo (vị chủ tế là pháp sư mời ở Chợ Lớn), Nho giáo và Phật giáo trong đó vai trò của Đạo giáo là chủ đạo. Nghi lễ

của Đạo giáo được dùng trong những lễ cầu an, cầu phúc; còn nghi lễ cúng cầu siêu, cúng thí, xô giàn lại mang âm hưởng của Phật giáo. Đây là một hiện tượng khá độc đáo khác hẳn với lễ cúng Bà của cộng đồng người Hoa ở các địa phương khác.



Nghi rước linh vị tam Tồ, Thiên Hậu Thánh Mẫu và Quan Thánh Đế Quân

Lễ hội còn là dịp giao lưu văn hóa giữa cộng đồng người Hoa và cộng đồng người Kinh thể hiện ở nhiều yếu tố: ngoài những món ăn truyền thống của người Hoa còn có cả những món ăn của người Kinh như kiểm, mắm chay, bánh ít. Trước đây, khi tổ chức lễ hội thường mời đoàn hát ở Hồng Kông về biểu diễn (bằng tiếng Hoa) thì nay Ban tổ chức chỉ mời đoàn hát tại địa phương về biểu diễn (bằng tiếng Việt). Bên cạnh đó, băng rôn mừng lễ, băng thông báo nội dung buổi lễ, danh sách những người quyên góp tiền đều được viết bằng cả hai ngôn ngữ Việt và Hoa, ngoài tên của gia đình người Hoa còn có cả tên của các gia đình người Việt đóng góp. Điều này cho thấy các cơ sở tín ngưỡng gốc Hoa không còn khép kín dành riêng cho cộng đồng người Hoa mà đã mở rộng phạm vi cho cả người Việt. Người Việt và người Hoa đều tin tưởng vào sự phù hộ của Bà trong cuộc sống với tư tưởng “hữu cầu tất ứng”.

Các lễ hội của Miếu Tồ sư có vai trò giá trị rất to lớn đối với cộng đồng người Hoa và người Việt ở Đồng Nai. Thông qua các lễ hội của miếu Tồ sư là

dịp để chúng ta được trở về nguồn cội của dân tộc đều này có ý nghĩa thiêng liêng trong tâm trí mỗi người. Lễ hội là nơi thể hiện sức mạnh cộng đồng làng xã, địa phương vì cùng thờ chung vị thần, có chung mục tiêu đoàn kết để vượt qua gian khó, giành cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Qua lễ hội đã đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp dân cư; là hình thức giáo dục, chuyển giao cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc. Lễ hội là dịp để con người được giải toả, đãi bày phiền muộn, lo âu với thần linh, mong được thần giúp đỡ, chở che vượt qua những thử thách đến với ngày mai tươi sáng hơn.



Nghi lễ cầu an, cầu siêu trước khi phóng sinh

4. Giá trị về kiến trúc - nghệ thuật

Có thể nói, Miếu Tổ sư là một công trình kiến trúc bằng đá độc đáo, chứa đựng nhiều nét văn hóa, kiến trúc nghệ thuật có một không hai ở Đồng Nai. Các hạng mục của công trình từ trụ, tường, vách, lan can, khuôn cửa, bậc thềm, các khám thờ, hàng rào đến cổng... đều được làm bằng đá xanh Bửu Long với độ tinh xảo, chính xác cao, gắn kết vững chãi trước dòng chảy của thời gian. Đá xanh là đá granit có nhiều nơi ở Đồng Nai nhưng đá lấy ở núi Lò Gốm (tên chữ là chùa Bửu Phong, còn gọi là Lò Gạch vì làng Bạch Khôi ở chân núi lúc ấy có nhiều lò gạch) là loại tốt nhất, dễ khai thác. Nghề làm đá ở Bửu Long có từ xưa,

gắn với quá trình khai phá của cộng đồng người Hoa. Địa chí Đồng Nai (tập IV – Kinh tế) có viết về nghề đá ở Bửu Long như sau: “Trong số di thần người Hoa đến cư trú ở Đồng Nai năm 1679 có một số người Họ vốn có nghề chế tác đá. Đầu tiên có tám gia đình thuộc họ Lưu, Đặng, Phạm về làng Tân Lại mở hầm khai thác đá”. Trong quá khứ nghề đá phát triển rục rờ nhưng chủ yếu “nằm trong tay hơn 400 người Tàu¹”. Một thời gian sau người Pháp, người Việt đã sớm chen chân vào khai thác, người Tàu chỉ chiếm phần lớn số hầm đá trắng. Sách Địa chí tỉnh Biên Hòa (1924) có viết như sau: “Có khoảng 90 hầm đá granit phần lớn ở các làng Bạch Khôi, Bình Điện, Tân Lại, Bình Trị, Bình Thạch. Người Tàu thu lợi bằng lao động khai thác thủ công. Họ dùng thuốc nổ tách những tảng granit sau đó đẽ gọt bằng dụng cụ thép.... Người ta xây mộ, đá kê chân cột, đá kê máy xay xát gạo, nó cũng dùng trong kiến trúc châu Âu...” Đến nay, làng nghề đá Bửu Long không còn thịnh vượng như trước do nhiều nguyên nhân, số lượng khai thác, chế tác đá chỉ còn trên dưới 10 cơ sở.



Hệ thống liễn đối hoành phi, cột, xuyên bằng đá ở chánh điện

Đặc biệt, hệ thống hoa văn trang trí trên các hoành phi, liễn đối bằng đá, bằng gỗ của di tích Miếu Tổ sư khá đa dạng, thể hiện nhân sinh quan, thế giới quan của các bậc tiền nhân. Hình ảnh tứ linh với long – lân – quy – phụng, là 4 con vật linh, biểu trưng cho sự thiêng liêng, cao quý xuất hiện nhiều ở các hương án, nóc mái, hoành phi, liễn đối. Ngoài ra, các họa tiết hoa văn thể hiện

¹ Theo Địa chí tỉnh Biên Hòa - 1901

mô típ: “trúc – tước”, “nho – sóc”, “bức quyền thư”... với ước mong có một tấm lòng ngay thẳng, rong sạch, một sức sống bền bỉ, con cháu đời sau sẽ nối nghiệp cha ông, thờ tự tổ tiên, học hành hiển đạt, biểu trưng cho “phúc – lộc – thọ” xuất hiện khá nhiều ở các hạng mục công trình của di tích. Các tác phẩm chạm khắc ở Miếu Tổ sư ngoài việc thể hiện những ước mong, gửi gắm của các bậc tiền nhân còn mang nhiều giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và thể hiện sự phát triển cao nghệ thủ công truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên mảnh đất Biên Hòa – Đồng Nai.



Các họa tiết hoa văn, các đề tài trang trí ở bao lam chánh điện

Đặc biệt, đến với di tích Miếu Tổ sư, ấn tượng đầu tiên đập vào mắt của du khách là quần thể tượng trên nóc mái tiền điện rất độc đáo phản ánh rõ nét các quan niệm, những ước vọng của các bậc tiền nhân xưa. Nét cổ kính, trầm mặc như phủ lớp bụi của thời gian thể hiện rõ từ trên chóp mái, bờ đao, với lối trang trí rất đặc trưng của quần thể tượng do các nghệ nhân người Hoa Quảng Đông làm tại các lò gốm Cây Mai nổi tiếng một thời vùng Gia Định. Ở Đồng Nai kiểu trang trí quần thể tượng gốm men xanh Quảng đặc trưng như Miếu Tổ sư còn thấy ở các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa như Chùa Ông (xã Hiệp Hòa), chùa Bà Thiên Hậu (phường Hòa Bình), đình Tân Lâm (phường Hòa Bình) hoặc các di tích có ảnh hưởng với văn hóa Hoa như đình Bình Thạch (xã Bình Hòa, Vĩnh Cửu).

Nhìn xa, quần thể tượng dùng để trang trí trông khá rối, nhưng nếu tiếp cận ở khoảng cách gần, đi sâu vào chi tiết, sẽ thấy ở đó những câu chuyện được miêu tả cực kỳ sống động, thể hiện đời sống sinh hoạt thường ngày của con người, hay những ước vọng của các bậc tiền nhân hoặc những cảnh lấy từ trong tiểu thuyết chương hồi cổ điển Trung Hoa. Có thể thấy, kết cấu các quần thể tiểu tượng gồm hai thành tố:

- + Quần thể tượng dùng để trang trí và thể hiện các nghi thức
- + Quần thể tượng có nội dung cụ thể

Quần thể tượng dùng để trang trí và thể hiện nghi thức được bố trí thành hàng ngang trên bờ nóc, có chức năng tạo các ý nghĩa biểu trưng cao. Đó là “Rồng Châu Pháp Lam” trên những vầng sóng nước ở cổng tam quan, nóc mái, đối xứng hai bên là cá hóa rồng. Hình ảnh rồng châu trên cổng tam quan, nóc mái hay ở bao lam hương án của di tích là vật linh thiêng đáng kính trọng; tượng trưng cho quyền lực của nhà vua và nó tượng trưng cho điềm lành, cái thiện, cho sự phồn thịnh. Còn hình ảnh cá hóa rồng - biểu ý mong muốn gặp vận lợi cực tốt chúc tụng, sự sung túc và đỗ đạt cao của những hiền sĩ.



Lưỡng long châu Pháp lam ở cổng tam quan

Quần thể tượng có nội dung cụ thể gồm cụm tiểu tượng được bố trí trên nóc mái và phù điêu ở chánh điện là một cụm tượng đang biểu đạt một điển tích.

Theo Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc trong sách “Gốm Cây Mai – Sài Gòn xưa” thì đây là nhóm tượng thể hiện: “*cảnh thiếu nữ gieo sào, cảnh diễn võ đài, cảnh tiễn đưa, cảnh diễn hí – tấu nhạc, cảnh vinh quy bái tổ, cảnh uống rượu đánh cờ, cảnh để thơ ngâm vịnh...*”. Xen lẫn với quần thể tượng là các mảng trang trí khác như phượng, rùa, mai, cúc, sen, dây hoa lá cách điệu... Ngoài ra chúng ta còn thấy các đề tài cảnh vật cặp đôi: Liên – Áp, Mai – Điều, Phù dung – Phụng, Tùng – Lộc... Toàn bộ mặt trước, bên trong của miếu là các mảng trang trí độc đáo và cực kỳ sinh động với nhiều chủ đề biểu tượng cho sự thịnh vượng, trường thọ, như ý, hay đề tài có tính chất tả thực “*đã làm cho tập hợp các quần thể tiểu tượng mở ra những không gian thoáng đãng, đưa thiên nhiên vào với lầu đài, với đám người đông đúc có phần chật chội, đem chất tươi mát hòa vào sự hoành tráng có phần bề bộn*”¹.



Quần thể tiểu tượng ở nóc mái Miếu Tổ sư

5. Giá trị di sản tư liệu

Thời phong kiến, chữ Hán, Nôm đóng vai trò là một công cụ mở mang văn hóa để người Việt hiểu sâu đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của khu vực để phát triển Nhà nước, các thiết chế văn hóa cao, tạo nên giá trị văn hiến cho Đại Việt. Trong khoảng 20 năm đầu của thế kỷ 20, chữ

¹ Xem Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc: “Gốm Cây Mai – Sài Gòn xưa”, NXB Trẻ, 1994.

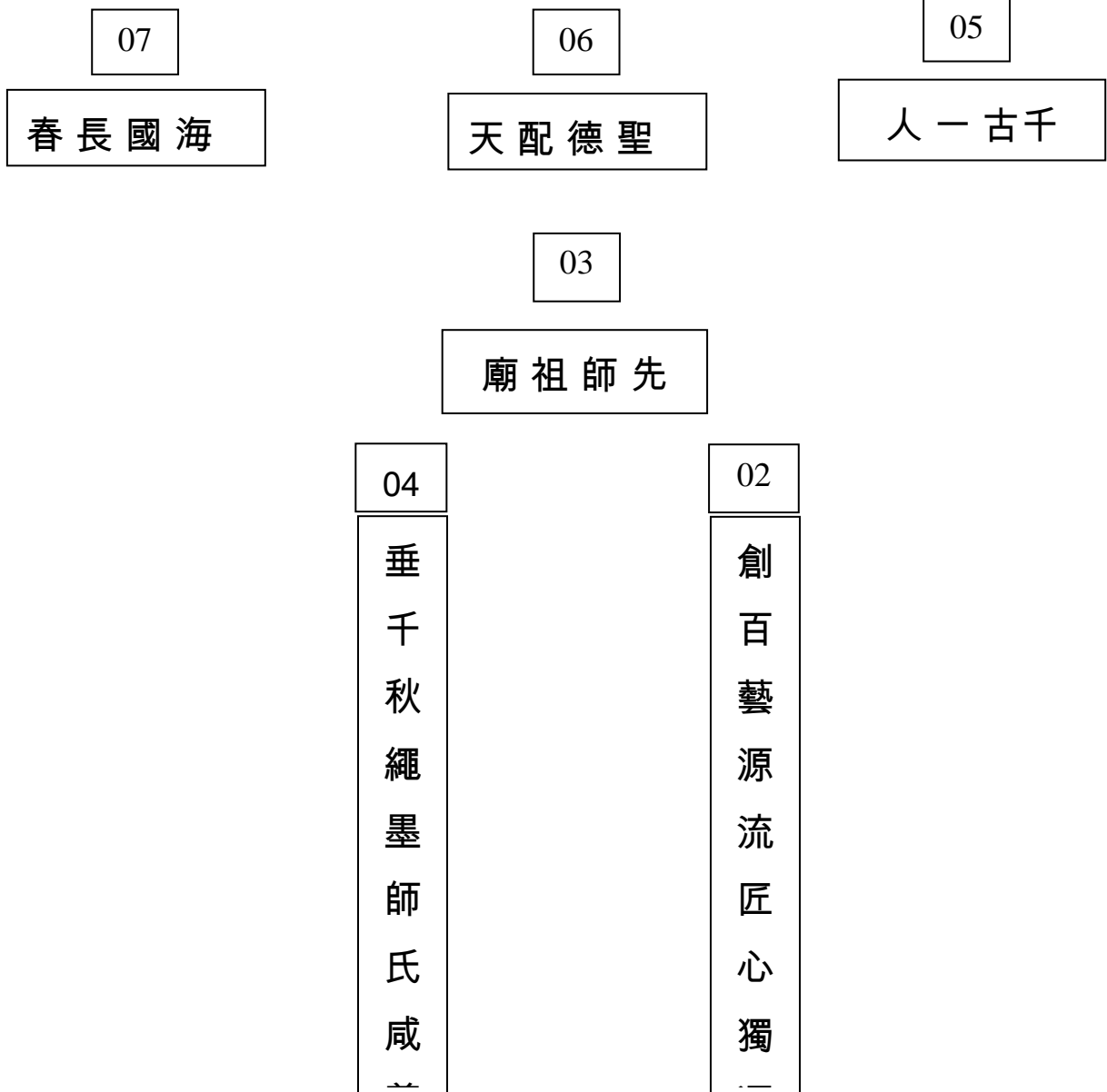
Hán Nôm ở Việt Nam vẫn đóng vai trò ấy, nhưng nó còn là một công cụ để truyền truyền yêu nước, cách mạng, ngôn ngữ của báo chí, văn chương, đạo lý dân tộc... Ngoài ra, kể từ khi tiếp nhận chữ Hán, người Việt Nam đã sớm nhận thức những đặc thù về hình thể đến nội dung hay đặc trưng bản chất của hệ văn tự này và cũng sớm tiếp nhận coi trọng nghệ thuật thư pháp. Hình thức biểu hiện của loại hình chữ Hán khá đa dạng về nội dung, hình thức từ dân gian đến cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo; từ liễn đối, hoành phi, đại tự, bài kinh, văn bia...

Miếu Tô sư là nơi lưu giữ nhiều cổ tự với những câu đối, bài kinh, hoành phi độc đáo, phong phú và đa dạng về nội dung và hình thức thể hiện, được bày trí nhiều khu vực từ cổng tam quan, chánh điện, hậu điện... thể hiện nhân sinh quan và thế giới quan sâu sắc của các thế hệ tiền nhân. Đến với di tích là dịp để các nhà nghiên cứu, các sinh viên học sinh tìm hiểu, nghiên cứu, học tập rèn luyện kiến thức đặc biệt là Hán tự - một ngôn ngữ mà dân tộc ta đã sử dụng gần một ngàn năm. Bởi hoành phi – liễn đối không chỉ là những vật treo để tăng thêm vẻ thẩm mỹ, vẻ trang nghiêm cho di tích mà bản thân nó còn là những lời ca ngợi công đức của các bậc thánh nhân, tiên hiền, hậu hiền; còn là lời dạy bảo, khuyên nhủ, là những nguyện ước của cha ông nhắn nhủ cho các thế hệ con cháu mai sau tu luyện bản thân và cư xử ở đời cho phải đạo làm người và truyền thống của dân tộc.. Đồng thời đó là một trong những nguồn tư liệu quý giúp chúng ta nghiên cứu về phong tục tập quán của cộng đồng người Hoa.



Hệ thống hoành phi – bài kinh ở tiền điện

Một số liễn đối, hoành phi ở Chánh điện di tích Miếu Tổ sư:



Phiên âm/tạm dịch:

06 - Thánh đức phối Thiên: *đức Thánh sánh Trời*

05 - Thiên cổ nhất nhân: *Xưa nay chỉ một người*

07 - Hải quốc trường xuân: *Nước Việt mãi xinh tươi*

03 - Tiên sư Tổ miếu: *Miếu Nghiệp tổ - Tiên sư*

02 - Sáng bách nghệ nguyên lưu: *tượng tâm độc vận*

04 - Thủy thiên thu thằng mặc: *Sư thị hàm tôn*

Bày trăm nghề xưa truyền: thợ biết tự tay lèo lái

Để muôn đời mực thước: Thầy đều hết thầy kính tôn

Cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam giàu truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” có truyền thống văn nhã và có tính phiêu lưu mạo hiểm khai phá các vùng đất hoang sơ nên có tinh thần tập thể. Quá trình mở mang khai khẩn vùng đất mới Đồng Nai đã tạo nên những khu dân cư đông đúc, kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển. Những cư dân từ phương Bắc, Trung vào lập nghiệp, cùng với các đợt di dân của dân tộc Hoa trong suốt diễn trình lịch sử đã đem theo những phong tục tập quán, những nét văn hóa riêng biệt làm phong phú thêm bản sắc văn hoá của Đồng Nai. Vì có đạo lý uống nước nhớ nguồn, nên người Hoa đi tới đâu đều lập miếu nhằm đáp ứng những nhu cầu tâm linh nơi vùng đất mới. Hàng năm có tổ chức cúng miếu mà để có cúng miếu phải có bài văn tế nhằm đề cao công đức người xưa để mong được phước lành, thịnh vượng nơi hoang sơ vừa được khai phá. Những nghi thức tế tự theo điển lệ cũng theo bước chân những lưu dân du nhập vào Đồng Nai và được những cư dân nơi đây vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo dựa theo đặc điểm chung của tình hình thực tế nơi vùng đất mới.



Nghi đọc văn tế trong lễ hội làm Chay

Ở Đồng Nai, di tích Miếu Tổ sư là cơ sở tín ngưỡng đang lưu truyền và thực hành nhiều bài văn cúng, văn tế thần, tiền hiền, hậu hiền... bằng chữ Hán có giá trị to lớn ẩn trong những di sản văn hóa vật thể. Nội dung các bài văn tế chủ yếu ghi lại những quan điểm Nho giáo trong việc tổ chức vấn đề trị nước,

xây dựng nếp sống gia đình truyền thống, phong tục tập quán trong xã hội, nhớ ơn những bậc tiền nhân có công khai hoang lập ấp, những bậc hậu hiền có công mở mang xóm làng... Văn cúng, văn tế là một hình thức văn tự biểu hiện tấm lòng của hậu thế đối với các bậc tiền nhân có công khai khẩn, mở mang vùng đất, phù hộ cho quốc thái dân an ... Thể loại văn tự này tồn tại một cách tự nhiên trong đời sống hiện tại, được rất nhiều các tầng lớp kỳ lão người Hoa tự nguyện gìn giữ và lưu truyền. Văn cúng, Văn tế được tiến hành tuân thủ theo nghi thức điển lệ được quy định từ xưa, với lối hành văn bác học.

Sau đây xin giới thiệu bài văn tế trong lễ hội làm Chay của di tích Miếu Tô sư:

HẠ ĐẢN SỚ VĂN

賀誕疏文

中華人民共和國歲次...年...六月初十日。

啟坛建醮。三年三請醮。三日三宵。今十三日為先師宝誕之期。旅越邊和市全狃省。僑裔暨善信人等誠心處香。福德同霑信士。值理事列名人等。(宣意文)。

謹以牲醴素酌、香、諸燭帛之儀。

致祭于:

- 勅封護國庇民。

- 太子太保。

- 伍丁先師。

- 北城亭候。

- 魯班先師。

- 護國公候尉遲先師。
- 忠義仁勇關聖帝君。
- 混元教主太上老君。
- 護國庇民天后元君。
- 列位老師、少師。

寶座案前。

曰：

為神降福。普耀萬方四海感賴、德澤綿長、英靈顯赫、頌民恩光、感神沾常、利祿施常。禮乃舊典、追思難忘。固有：

春秋設祀、黍稷馨香必誠必格。

集庶士於祥鄉頌聲同作、濟濟一堂。謹具微觴、獻于高堂、來格來賞。伏願各裔大展。海國通商、處世榮

昌業。各行旺相、護民老少安康。消災遠禍。降福載祥。感神護佑、威德無疆。

聊表上達。敬備微漿。年年富貴、代代榮昌。男添百福、女納千祥。手藝者精通萬變。讀書者金榜名揚。耕田者積穀千倉。薦諸盤四、向其來格來賞。

尚饗。

天運...年...月...日...

吉旦。

Phiên âm:

Hạ dẫn số văn

Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa quốc, tuế thứ ... niên ... lục nguyệt sơ thập nhật. Khải đàn kiến tiếu. Tam niên tam thỉnh tiếu. Tam nhật tam tiếu. Kim thập tam nhật vi Tiên sư bảo dẫn chi kỳ. Lữ việ Biên Hòa thị, Đồng Nai tỉnh. Kiền duệ ky thiện tín nhân đặng thành tâm xử hương. Phước đức đồng triêm tín sĩ. Trị lý sự liệt danh nhân đặng. (Tuyên ý văn).

Cần dĩ sanh lễ tổ chúc, hương, chư chúc bạch chi nghi.

Trí tế vu:

- Sắc phong hộ quốc tỵ dân.
- Thái tử Thái bảo.
- Ngũ đình Tiên sư.
- Bắc thành Đình hầu.
- Lễ ban Tiên sư.
- Hộ quốc Công hầu, Uất Trì Tiên sư.
- Trọng nghĩa nhân dũng Quan Thánh Đế Quân.
- Hồn nguyên giáo chủ Thái Thượng Lão Quân.
- Hộ quốc tỵ dân Thiên Hậu Nguyên Quân.
- Liệt vị lão sư, thiếu sư.

Bảo tòa án tiền.

Viết:

Vi thần giáng phước, phổ diệu vạn phương, tứ hải cảm lại, đức trạch miên trường, anh linh hiển hách, ban dân ân quang. Cảm thần triêm thường, lợi lộc thi thường. Lễ nãi cự điển, truy tư nan vong.

Cố hữu:

Xuân thu thiết tự, thử tắc hình hương tất thành tất cách.

Tập thứ sĩ ư tường hương, tụng thanh đồng tác, tế tế nhất đường. Cần cụ vi thương, hiển vu cao đường. Lai cách lai thưởng. Phục nguyện các duệ đại triền.

Hải quốc thông thương. Xử thế vinh xương nghiệp, các hành vượng tướng. Hộ dân lão thiếu an khương, tiêu tai viễn họa, giáng phước tải trường, cảm thần hộ hữu, uy đức vô cương.

Liêu biểu thượng đạt. Kính lược vi tương. Niên niên phú quý, đại đại vinh xương. Nam thêm bách phước, nữ nạp thiên tường. Thủ nghệ giả tinh thông vạn biến. Độc thư giả kim bảng danh dương. Canh điền giả tích cốc thiên thương. Tiên chư bàn tứ, hướng kỳ lai cách lai thường.

Thượng hưởng.

Thiên vận niên... nguyệt ... nhật.

Cát đán.

Tạm dịch:

Sớ văn mừng sinh nhật Bà

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm ... tháng sáu, ngày mừng 10.

Lập đàn cúng kiến. Ba năm mới cúng ba ngày ba đêm. Hôm nay ngày 13, là đến kỳ cúng kỷ niệm đản sanh quý báu của tiên sư.

Tại nước Việt Nam, tỉnh Đồng Nai, thành phố Biên Hòa, thiện nam tín nữ, con cháu dòng dõi người Hoa kiều cư nước Việt, thành tâm dâng hương. Tín sĩ đồng tâm nhuận phước đức. Các thành viên trong trị lý sự liệt vị có tên dưới đây:

(Chúc văn tuyên ý)

Kính cẩn dâng lễ vật gồm vật cúng, rượu, đèn, nhang.

Kính cẩn trí tế cùng:

- (Thiên Hậu) được sắc phong che nước, chở dân.
- Thái tử Thái Bảo.
- Ngũ đình tiên sư.
- Đình hầu bắc vục.
- Tiên sư Lỗ Ban.
- Công hầu che chở nước, Tiên sư Uất Trì.
- Quan thánh Đế quân trung nghĩa nhân dũng.

- Hồn nguyên giáo chủ Thái Thượng lão Quân.
- Nguyên Quân Thiên Hậu che nước chở dân.
- Các vị Lão sư, Thiếu sư.

Trước bàn bảo tòa rằng:

Là thần giáng phước, phổ diệu muôn nơi (phương). Bốn biển đều nhờ. Đúc trọng dài lâu. Anh linh hiển hách. Giúp dân ân quang. Cảm thần triêm thương. Lợi lộc thường thiên. Lễ xin soi xét. Truy tư (truy nguyên tư viển) khó quên cho nên: Bày biện lễ cúng xuân thu hai lần, lòng thành tất cảm cách. Tập hợp sĩ thứ tại xứ sở an lành cùng cất tiếng ca tụng, rờ rở một đường. Kính cẩn cúng ly rượu lạt, dâng hiến cao đường. Đến cảm cách, thưởng thức lễ vật, cầu nguyện các con cháu khách đều được phát triển lớn.

Hải quốc thông thương, xử thế xương thanh sự nghiệp. Các hành vượng tướng, bảo hộ dân lớn bé an khương. Tiêu trừ tai ương, đuổi xa hoạn họa. Giáng phước, mang đến điềm lành. Cảm kích ơn Thần giúp đỡ, oai đức vô cùng.

Tạm biểu lộ cùng trên. Kính sắm sanh sơ sài tiệc rượu mọn. Năm nay giàu sang, đời đời vinh xương. Nam thêm trăm phước, nữ nạp ngàn lành. Công nghệ tinh thông muôn biển. Người học hành tên nêu bảng vàng. Nông dân chứa thóc đầy ngàn kho. Dâng cúng bốn mâm, cầu mong Thần đến cảm cách, thưởng thức.

Cúi mong thượng hưởng.

Thiên vận ... năm ... tháng ... ngày...

Ngày tốt.

6. Giá trị kinh tế thông qua hoạt động du lịch

Phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa là hai mặt của một thể thống nhất, có tác động tương hỗ lẫn nhau trong quá trình phát triển của mỗi xã hội mà văn hóa được xem là nền tảng. Việc phát huy các giá trị văn hoá sẽ có tác dụng làm tăng ý thức, trước hết là của mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc và của bè bạn quốc tế đối với trách nhiệm bảo tồn các giá trị văn hóa. Ngược lại việc bảo tồn sẽ là cơ sở và tạo ra cơ hội có được các giá trị văn hóa để tự hào, để giới thiệu với các dân tộc khác, các quốc gia khác trên thế giới.

Du lịch là một ngành kinh tế có định hướng tài nguyên một cách rõ rệt, hay nói một cách khác du lịch chỉ có thể phát triển trên cơ sở khai thác các giá trị tài nguyên du lịch. Đúng từ góc độ này, các giá trị văn hóa được xem là dạng tài nguyên du lịch để khai thác tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, khác biệt và có khả năng cạnh tranh không chỉ giữa các vùng miền, các địa phương trong nước mà còn giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và quốc tế.



Hát bội trong lễ hội vía Bà Thiên Hậu

Miếu Tổ sư là di tích cấp tỉnh có nhiều giá trị văn hóa lịch sử, cùng với nhiều di tích khác song hành suốt chiều dài lịch sử mảnh đất và con người ở Đồng Nai. Do vậy, bên cạnh các giá trị khác, Miếu Tổ sư có giá trị về kinh tế thông qua các hoạt động du lịch. Nếu biết phát huy những giá trị kinh tế của miếu sẽ giúp cho chúng ta vừa quảng bá được hình ảnh vừa góp phần bảo tồn và phát huy có hiệu quả cơ sở tín ngưỡng. Bởi du lịch được xem là phương thức phát huy có hiệu quả nhất của di sản. Thông qua hoạt động du lịch, du khách có cơ hội không chỉ được tận mắt nhìn thấy trong thực tế, mà còn được hiểu về giá trị các di sản văn hóa nơi mình đến du lịch. Nhiều giá trị văn hóa chỉ có thể cảm nhận được trong những khung cảnh thực của tự nhiên, của nếp sống truyền thống cộng đồng mà không thể có phim ảnh, diễn xuất nào có thể chuyển tải được. Ngoài ra, nguồn kinh phí thu từ hoạt động du lịch sẽ giúp cho Ban

Quản lý có thể giúp trùng tu, tôn tạo các hạng mục, công việc hàng năm của di tích Miếu Tổ sư một cách bền vững.



Chương 3

Thực trạng và giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - kiến trúc nghệ thuật di tích Miếu Tổ sư

1. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Trong những năm qua, hoà chung với các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa, thực hiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy các yếu tố của đô thị, của kinh tế hàng hóa, của văn hóa bên ngoài đang hằng ngày, hằng giờ tác động một cách tích cực và tiêu cực đến đời sống văn hoá – xã hội của các cộng đồng dân cư đã ổn định từ bao đời nay. Mặt tích cực là sự tăng trưởng kinh tế, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại để từng bước phát triển đời sống vật chất cũng như tinh thần của các cộng đồng dân cư. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền với sự đồng thuận, nhận thức cao của các cộng đồng dân tộc nên nhiều lễ hội văn hoá dân gian truyền thống, nhiều di tích được trùng tu tôn tạo và tổ chức rất công phu, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, hưởng ứng. Song mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động đến truyền thống văn hóa của các thế hệ tiền nhân bao đời gây dựng hết sức nặng nề. Nhiều lễ hội văn hoá dân gian độc đáo của dân tộc mình đã mất đi do không còn được tổ chức; một số lễ hội dân gian truyền thống được các cộng đồng dân tộc cố gắng gìn giữ, duy trì nhưng không còn giữ bản sắc văn hóa dân tộc như vốn có...

Gìn giữ và phát huy những giá trị di sản văn hoá truyền thống của dân tộc để phục vụ cho chiến lược phát triển đất nước một cách bền vững là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Tại nghị quyết lần thứ V Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khoá VIII đã chỉ rõ: “... *Xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, làm cho văn hoá thấm sâu vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân*

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, tiến bước vững chắc lên CNXH”. Nhận thức được tầm quan trọng của văn hoá dân tộc, đặc biệt là các lễ hội dân gian truyền thống của các cộng đồng dân tộc anh em trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước cũng như ở từng địa phương, đặc biệt là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*” Đồng Nai đang trong quá trình đô thị hoá một cách nhanh chóng, nên trong những năm qua, bằng nguồn kinh phí địa phương và nhà nước các cấp các ngành chức năng đã đầu tư, thực hiện nhiều đề tài, dự án nhằm bảo tồn và phát huy những tinh hoa, kiệt tác của các cộng đồng dân tộc. Nhiều đề tài văn hóa được Bảo tàng Đồng Nai đầu tư nghiên cứu như Nghề thủ công truyền thống Thạnh Phú, Di sản văn hóa làng Hiệp Phước, Lễ hội văn hóa dân gian, Nhà cổ ở Đồng Nai, Văn cúng – Văn tế Hán Nôm... đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản, đặc biệt là công tác gìn giữ và phục hồi các lễ hội văn hóa dân gian ở Đồng Nai. Ngoài ra, thông qua các đề tài, dự án các nhà nghiên cứu, những người làm công tác văn hóa được tiếp cận, tìm hiểu văn hóa truyền thống đặc sắc của các cộng đồng dân tộc ở địa phương. Đồng thời việc đầu tư nghiên cứu về lịch sử, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa, diễn trình và các vấn đề nội dung khác có liên quan đến từng di tích lịch sử, văn hóa nghệ thuật, lễ hội văn hóa dân gian truyền thống sẽ là những cứ liệu quan trọng, hữu ích giúp cho mọi người có cách nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về đất nước, con người Đồng Nai.

2. Thực trạng và giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - kiến trúc nghệ thuật di tích Miếu Tổ sư

2.1. Thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích Miếu Tổ sư

Di tích Miếu Tổ sư là một công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị cao, được các thế hệ người Hoa – Việt gìn giữ, tôn tạo suốt hơn 100 năm qua. Hiện nay, di tích vẫn còn bảo lưu nhiều hạng mục công trình có giá trị văn hóa độc đáo, mang tính thẩm mỹ cao như hệ thống bao lam, hoành phi, liễn đối, kết cấu, kiến trúc được tạo tác bằng đá... Hệ thống vì kèo, mái ngói, bờ đao... được các ngành chức năng, Ban Quản lý miếu, cùng bá tánh, nhân dân thường xuyên tu bổ, tôn tạo hàng năm nhằm đảm bảo tính nguyên bản của di tích trước những tác động của môi trường thiên nhiên và thời gian. Các lễ hội văn hóa dân gian của di

tích như lễ hội làm Chay (vía Tổ sư), lễ hội vía Bà Thiên Hậu... được nhiều thế hệ Ban Quản lý tổ chức hàng năm nhằm gìn giữ các lễ tục trọng và đầy đủ. Chính nhờ vậy, hàng năm vào dịp lễ hội hàng ngàn bá tánh gần xa đến lễ bái và tham gia vào các hoạt động, tạo ra không gian văn hóa đặc sắc của tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, hàng năm nơi đây còn thu hút các đoàn học sinh, du lịch, các nhà nghiên cứu đến tham quan và tìm hiểu về giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật...

Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy lịch sử - kiến trúc nghệ thuật chưa tương xứng với giá trị và tiềm năng của di tích. Trong quá trình phát triển đô thị đã làm ảnh hưởng đến kết cấu của công trình, cảnh quang môi trường của di tích. Việc diện tích đất của miếu bị lấn chiếm, dân cư ở đan xen với khu vực thờ tự đã phần nào ảnh hưởng đến giá trị của di tích. Con đường chính dẫn vào miếu và khoảng sân ngoài còn nhếch nhác do chưa được đầu tư đúng mức.

Đặc biệt, việc quan tâm, đầu tư nghiên cứu và bảo tồn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích. Quần thể tượng gồm trên mái ngói, bờ đao, tiền sảnh... đến nay vẫn chưa thấy có một công trình nghiên cứu, giải mã nội dung (niên đại, nguồn gốc, chất liệu, kỹ thuật, nội dung...) nhằm xác định các giá trị để có những biện pháp bảo tồn và phục chế.

Di tích miếu Tổ sư là nơi lưu giữ nhiều giá trị lịch sử kiến trúc nghệ thuật nhưng hàng ngày vẫn vắng bóng khách đến tham quan, chiêm ngưỡng (trừ các dịp cúng tế định kỳ hàng năm). Số lượng các đoàn học sinh, sinh viên đến tìm hiểu di tích còn quá khiêm tốn. Các công ty du lịch, lữ hành chưa mặn mà đưa du khách đến đây. Cơ quan quản lý, các nhà nghiên cứu chưa thấy có công trình nghiên cứu, hoặc đề án xây dựng riêng để bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

2.2. Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di tích Miếu Tổ sư

Từ thực trạng trên, đã đến lúc chúng ta cùng chung tay, xây dựng những giải pháp và định hướng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị, để di tích mãi trường tồn cùng với dân tộc Việt Nam. Với mong muốn đó, bản thân tôi xin mạnh dạn

đưa ra một số giải pháp để các nhà quản lý tham khảo, nếu có gì chưa đúng xin lượng thứ bỏ qua:

- Một là, kêu gọi ngành chức năng, các thành phần xã hội quan tâm, đầu tư đến di tích nói chung và Miếu Tổ sư nói riêng. Đây là cách chúng ta huy động sức mạnh tổng lực của toàn xã hội để tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập, nghiên cứu, giải mã các giá trị văn hóa phi vật thể của di tích. Thông qua công tác điều tra, nghiên cứu, sưu tầm các giá trị văn hóa sẽ được xác định, đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, đúng bản chất. Trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu, quản lý sẽ hoạch định chính xác các biện pháp, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di tích.

- Hai là, tăng cường vai trò quản lý, tổ chức, hướng dẫn của nhà nước đối với các hoạt động quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích. Đây là nội dung chiến lược, là biện pháp quan trọng nhằm đảm bảo tính nguyên tắc, đồng nhất và ổn định lâu dài. Thực tiễn đã chứng minh trong suốt nhiều năm qua, chính sách, thông tư, nghị định, quy định, hướng dẫn về việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích chưa phát huy hiệu quả, đôi khi có sự xung đột lợi ích giữa bảo tồn và phát huy với quá trình phát triển kinh tế, hội nhập, giao lưu quốc tế mà phần thua thiệt luôn thuộc về di sản (trong đó có di tích). Thiết nghĩ, chúng ta phải đầu tư, nghiên cứu làm sao xây dựng được các biện pháp đồng bộ, khả thi, đáp ứng đúng và đủ yêu cầu, nguyện vọng của di tích, người tham gia quản lý và chủ thể đang thực hành, nghệ nhân nắm giữ các bí quyết... Chính sách để bảo tồn và phát huy di tích phải cụ thể, quyền lợi ưu tiên luôn thuộc về di tích và chủ thể đang nắm giữ di sản. Các cơ quan chức năng, nghiệp vụ như Sở VH-TT-DL, Ban Quản lý di tích và danh thắng, Bảo tàng... phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc định hướng trùng tu, tôn tạo, bảo quản di tích, tránh tình trạng đầu tư, xây dựng tùy tiện, chủ quan có thể dẫn đến phá vỡ không gian và biến dạng di tích. Kết hợp với chính quyền địa phương, nơi có di tích, để cùng có trách nhiệm trong việc bảo vệ nguyên trạng di tích, nhất là tình trạng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép và các tác động khác từ bên ngoài hoặc biến khu vực di tích thành các điểm kinh doanh, môi chài mua bán, hoạt động mê tín dị đoan...

- Ba là, hàng năm bằng nguồn ngân sách Trung ương, địa phương hoặc xã hội hóa, nhà nước nên đầu tư cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn, nhà nghiên cứu để tổ chức nghiên cứu chuyên sâu từng nội dung, từng chi tiết của công trình, kết cấu di tích như quần thể tượng gốm, di sản chữ Hán, Nôm trên hoành phi liên đối, các đề tài trang trí, chạm khắc... Đặc biệt, ở di tích miếu Tổ sư có hai vấn đề đòi hỏi các cơ quan chức năng nhanh chóng vào cuộc để nghiên cứu, đó là: nghiên cứu, giải mã nội dung của quần thể tượng gốm trên nóc mái, bờ đao để xác định nội dung, chất liệu, màu men, niên đại... để đánh giá thực trạng mà có biện pháp bảo vệ, phục hồi. Quần thể tượng gốm tính đến nay đã trên dưới trăm năm, dưới dòng chảy của lịch sử và thời gian các tượng gốm cũng phần nào bị tác động nếu không có biện pháp kịp thời e rằng một thời gian tới sẽ mất đi mà không có gì có thể thay thế được. Vấn đề quan tâm thứ hai là cải tạo môi trường cảnh quan xung quanh di tích cũng như một số công trình xây dựng chưa hợp lý của di tích như công trình nhà tole sân trong đã che khuất hoàn toàn tiền điện, làm ảnh hưởng đến mỹ quan của di tích.

- Bốn là, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý di tích (gồm cán bộ nhà nước và Ban Quý tế, các nghệ nhân...). Đây là giải pháp quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, mang tính bền vững và đạt hiệu quả cao. Việc đầu tư nâng cao năng lực quản lý, trùng tu, khai thác di tích phải được tổ chức bài bản, khoa học, có kế hoạch cụ thể. Thực trạng chung trong nhiều năm qua, cán bộ ngành quản lý di tích nước ta còn thiếu và yếu, phần nào ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. **Thỉnh thoảng ở đâu đó chúng ta vẫn thường hay gặp tình trạng di tích bị xâm hại, việc quản lý, trùng tu còn nhiều điều bất cập mà nguyên nhân chính là trình độ chuyên môn còn yếu kém. Trước đây, đất nước ta còn gặp nhiều khó khăn do chiến tranh, lạc hậu, đôi khi trong quá trình bảo quản, trùng tu di tích chưa đáp ứng yêu cầu là việc** tạm chấp nhận, nhưng ngày nay, đất nước ta đã đủ điều kiện kinh tế, nhân lực thì việc di tích bị xâm hại do tác động của con người là không thể chấp nhận. Do vậy, để giải quyết dứt điểm tình trạng này, điều trước tiên là phải gắn trách nhiệm cho từng cá nhân, từng cán bộ tham gia quản lý, trùng tu, tôn tạo di tích. Phải xây dựng hệ thống pháp lý đồng bộ, chế tài đủ mạnh, cơ chế giám sát chặt

chẽ để hạn chế những yếu kém, thất thoát trong công tác quản lý, trùng tu di tích. Thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các đơn vị đào tạo quốc tế có chất lượng, uy tín cao về công tác quản lý, trùng tu và phát huy giá trị di sản. Có được như vậy, thì di tích mới được bảo vệ, công tác trùng tu, tôn tạo không gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc vào các tổ chức quốc tế. Đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh trong khu di tích phải luôn nâng cao trình độ kiến thức, chuyên sâu về nghiệp vụ, đảm bảo khả năng truyền tải thông điệp đến khách tham quan về những giá trị đích thực của di sản

Ngoài ra, các ngành văn hóa thông tin nên thường xuyên mở các lớp nâng cao trình độ, kiến thức cho các chủ thể, người dân đang gìn giữ và thực hành các di sản ở cơ sở. Chúng ta nhận thức rằng, sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, chỉ có thể được đẩy mạnh và đạt hiệu quả khi người dân tự giác tham gia. Do đó, việc giáo dục để nâng cao ý thức tự giác của người dân, khơi dậy ở họ lòng tự hào đối với di sản văn hóa của cộng đồng mình là công việc có ý nghĩa quan trọng để hướng người dân chủ động tìm tòi, sưu tầm và bảo tồn di sản. Đặc biệt phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân tham gia quản lý và phát huy giá trị di tích bằng các phương pháp thực hiện khoa học, dễ hiểu, thông tin cụ thể, sát thực và gắn gũi với đời sống sinh hoạt của họ để mang lại hiệu quả cao.

- Năm là, nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác phổ biến giá trị của di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. Đây có lẽ là biện pháp hữu hiệu nhất nhằm nâng cao nhận thức, vai trò của mọi người đối với di sản văn hóa. Phải trang bị kiến thức, niềm tự hào, sự hiểu biết của mọi người về di tích để họ thấy rõ giá trị, vai trò của di sản đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong hiện tại và tương lai. Ông bà, cha mẹ, thầy cô, các tổ chức đoàn thể xã hội thường xuyên dạy bảo, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức cộng đồng cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhà trường thường xuyên lồng ghép các buổi ngoại khóa, các buổi nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi thuyết trình, tìm hiểu các di tích trên địa bàn nơi trường hoạt động để làm sao ít nhất trong mỗi năm học học sinh phải đến tham quan, tìm hiểu từ hai đến ba di tích. Mỗi trường, mỗi lớp học nên tổ chức, kết hợp hoặc nhận chăm sóc một di

tích để mỗi tháng học sinh, sinh viên có cơ hội đến di tích tìm hiểu, giao lưu, từ đó khơi dậy niềm tự hào, yêu mến, quý trọng các di sản văn hóa của dân tộc. Các cơ quan đoàn thể xã hội, thường xuyên tổ chức các cuộc thi, các hoạt động về nguồn để người lao động, cán bộ quản lý có cơ hội tìm hiểu, thưởng ngoạn các di sản văn hóa.

- Sáu là, trong xu thế phát triển du lịch hiện nay, di sản văn hoá, đặc biệt là các di tích có giá trị lịch sử, văn hóa xếp hạng đã trở thành sản phẩm của du lịch; là điểm đến tham quan, du lịch thường xuyên cho khách trong nước và nước ngoài. Vì thế, kết hợp giữa bảo tồn và phát huy di tích với việc phát triển du lịch là một xu thế khách quan, có hỗ trợ qua lại với nhau. Đặc biệt, lễ hội làm chay, lễ hội vía Bà Thiên Hậu là di sản văn hoá phi vật thể, là hình thái sinh hoạt văn hoá dân gian có hiệu quả cao nhất trong việc thu hút khách du khách. Do đó, phải chú trọng đến việc tổ chức, nâng cấp lễ hội là việc làm cần thiết vừa đảm bảo tính chất thiêng của lễ hội vừa tạo ra sức hút đối với khách đến tham quan và lễ bái. Tuy nhiên chú ý khi phát triển, mở rộng du lịch tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến không gian di sản văn hoá, nội dung diễn trình của lễ hội cúng đình. Trong đầu tư, xây dựng phải có chủ đích, tuyệt nhiên không vì lợi nhuận hoặc tiện ích cho việc vụ phục du khách mà can thiệp quá sâu vào cảnh quan khu vực di sản văn hoá. Di sản là thành quả lao động sáng tạo của ông cha ta, là tác phẩm nghệ thuật có sức sống với thời gian, tự thân nó đã là một giá trị vĩnh hằng, cho nên khi di sản trở thành là sản phẩm du lịch thì con người phải ứng xử phù hợp, không thể chạy theo thị hiếu của du khách, biến nó thành những giá trị khác, dù thị hiếu đó có mang đến lợi nhuận bao nhiêu. Đối với miếu Tổ sư việc phát huy các giá trị của di tích có nhiều thuận lợi khi kết hợp phát triển du lịch. Di tích tọa lạc ở khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa – nơi có dân cư đông, gần chợ, có hệ thống giao thông thuận lợi (gồm đường bộ và đường thủy), đặc biệt có nhiều di tích lịch sử văn hóa độc đáo để tạo thành một chương trình tham quan lý tưởng và thuận lợi.

KẾT LUẬN

Miếu Tổ sư – một di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật độc đáo, có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử tô điểm thêm vốn văn hóa dân gian truyền thống của tỉnh nhà. Di tích Miếu Tổ sư trong suốt chặng đường lịch sử đã che chở bảo vệ dân làng trong công việc mưu sinh, ổn định cuộc sống và phát triển quê hương, đất nước. Dẫu thời gian cứ lặng lẽ trôi qua và cuốn đi nhiều thứ quý giá trong cuộc sống con người. Nhưng có một điều chắc chắn rằng: di tích Miếu Tổ sư vẫn mãi trường tồn cùng với dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Bảo tàng Đồng Nai (1998), *Cù lao phước - Lịch sử và văn hóa*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, .
2. Bảo tàng Đồng Nai (2001), *Việt Nam- Đồng Nai trăm năm nhìn lại*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
3. *Địa chí Đồng Nai (tập V- Lịch sử)* (2001), Nxb Tổng hợp Đồng Nai, .
4. Lương Văn Lựu (), *Biên Hoà sử lược*, Sài Gòn 1960, 1972.
5. Nguyễn Yên Tri (2002), *Làng đá Bửu Long*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.
6. Trần Quang Toại (chủ biên) (2004), *Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*, Nxb tổng hợp Đồng Nai.
7. Huỳnh Văn Tới (1999), *Bản sắc dân tộc và Văn hoá Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai.
8. Huỳnh Tới, Phan Đình Dũng, TS Phan Xuân Biên (2005), *Văn hóa Đồng Nai (Sơ khảo)*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
9. Tài Liệu kiểm kê phổ thông các cơ sở tín ngưỡng ở Đồng Nai của Bảo tàng Đồng Nai (1999-2004).
10. Ban Quản lý Di tích và Danh thắng Đồng Nai (2009), *Lý lịch tổng hợp Miếu Tổ sư*.
11. Trần Minh Trí, *Tư liệu điền dã*, 2008-2013.

PHỤ LỤC

I/ HỆ THỐNG DI SẢN TƯ LIỆU DI TÍCH MIẾU TỔ SƯ CÔNG

01

廟古后天

飛
花
綴
彩
人
間
此
處
是
篷

憂
玉
金
雲
裡
於
今
降
仙
子

Phiên âm/Tạm dịch:

01-Thiên Hậu cổ miếu: miếu cổ Thiên Hậu

Ái ngọc ưu kim – vân lý ư kim giáng Tiên tử
Phi hoa tuyết thái– nhân gian thử xứ thị Bồng lai
Thương ngọc yêu vàng – mây toả: đời nay giáng Tiên nữ
Hoa rơi tô thắm–giữa trần: chốn ấy thật Bồng lai

CHÁNH ĐIỆN

07

春長國海

06

天配德聖

05

人—古千

03

廟祖師先

04

垂
千
秋
繩
墨
師
氏
咸
尊

02

創
百
藝
源
流
匠
心
獨
運

Phiên âm/Tam dịch:

06-Thánh đức phối Thiên: đức Thánh sánh Trời

05-Thiên cổ nhất nhân: Xưa nay chỉ một người

07-Hải quốc trường xuân: Nước Việt mãi xanh tươi

03-Tiên sư Tổ miếu: Miếu Nghiệp tổ - Tiên sư

02 - Sáng bách nghệ nguyên lưu: tượng tâm độc vận

04 - Thủy thiên thu thẳng mực: Sư thị hàm tôn

Bà trăm nghề xưa truyền : thợ biết thợ tay leo lái

Đề muôn đời mực thước: Thầy đều hết thầy kính tôn

CHÁNH ĐIỆN

17

家一正崇

16

添復佑神

15

疆無德恩

14

德祖恩婆

13

波揚不海

11

春懷賽玉

09

輪扶氣正

08

福景番天

配天昭聖業

厚德載群生

爺老德福

12

至剛至大興尼山拔地齊峰

10

盡義盡仁是漢室擎天一柱

Phiên âm/Tam dịch:

16-Thần hựu phục thêm: Thần lại giúp thêm
15-Ân đức vô cương: Ôn đức không bờ
17-Sùng chánh nhất gia: Trọn nhà thờ ‘Chánh’

14-Bà ân- Tổ đức: Ôn của Bà- Đức của Tổ
Ngọc trại hoài Xuân: trại ngọc nhớ Xuân
09-Chánh khí phò luân: Chánh khí giữ luân thường
13-Hải bất dương ba: Biển không xao sóng
10/12-Tận nghĩa, tận nhân– thị Hán thất kinh thiên nhất trụ
Chí cương, chí đại – hưng Ni sơn bạt địa tề phong
Tận nghĩa, tận nhân – phò nhà Hán: chống trời dựng trụ
Chí cương, chí đại – tôn lẫm Khổng: nhổ đất san non

08-Ba thiên cảnh phước
Trời mạnh mẽ - phước lớn lao
Hậu đức tái quần sanh / Phôi Thiên chiêu Thánh nghiệp
Dày đức giúp muôn loài/ Với trời hưng nghiệp Thánh
Phước đức lão da: Ông Lớn Phước đức

BÊN TRÁI CHÁNH ĐIỆN

CUỐN THƯ

賢先紀永

馨
香
俗
後
人

建
朝
祀
前
聖

Phiên âm/Tạm dịch:

-**Vĩnh kỷ Tiên hiền:** Nhớ mãi Tiên hiền

Kiến miếu tự tiên Thánh/ Hình hương tục hậu nhân

Lập miếu thờ tiên liệt/ Dâng hương dạy hậu nhân

(tục俗: người sau theo người trước: gần nghĩa với tục續: nối tiếp. Vế này có đảo ngữ, hơi tối nghĩa: nên viết : hình hương phong風 hậu nhân (phong: người trước làm gương cho người sau)

CHÁNH ĐIỆN

24

九重聖后普度靄霧慈

23

一統熙朝萬里光天化

22

民庇國護

20

僑護國南

18

赫顯靈威

21

厚德巍峨獨配天

19

覃恩浩蕩長水流

Phiên âm/Tam dịch:

23/24- Nhất thống hi triều- van lý quang thiên hoá nhật
Cửu trùng Thánh hậu – phổ độ ái vụ từ hàng
'Một mối' rạng hoàng triều– muôn dặm: trời trong- nắng toả
Chín tầng thiêng Thánh hậu – độ khắp: mây móc- thuyền từ

20-Nam quốc hộ kiều: Nước Việt giúp kiều dân

18-Oai linh hiển hách: oai linh rạng rỡ

22-Hộ quốc tí dân: giữ nước, che dân

**19/21-Đàm ân hạo dăng - trường lưu thủy / Hậu đức nguy nga - độc phối
Thiên**

Ơn tràn lai láng – mãi tuôn nước / Đức lớn muôn cao – chỉ sánh Trời

CHÁNH ĐIỆN

28

墨繩巧造自古傳流第一

26

精工妙度規矩至今無雙

29

宮后天

千秋著祀頌慈航

萬派迴瀾依后德

27

殿師先

妙手脩成金寶殿

精工巧造玉龍樓

25

宮天協

神留千古仰垂園

義凜一心扶漢殿

Phiên âm/Tạm dịch:

26/28-Tinh công diệu đặc qui củ chí kim vô song sĩ
Mặc thẳng xảo tạo tự cổ lưu truyền đệ nhất nhân

Qui củ thạo nghề: đo sít tới nay đâu kẻ sánh
Mục dây khéo tạo: tài truyền từ trước chẳng ai so

27-Tiên sư điện: điện Tiên sư

Diệu thủ tu thành Kim bửu điện / Tinh công xảo tạo ngọc long lâu
Tay khéo -làm nên Kim bửu điện / Nghề hay -giỏi dựng ngọc long lâu

25-Hiệp thiên cung

Nghĩa bảm nhất tâm phò Hán điện / Thần lưu thiên cổ ngưỡng viên thủy
Một lòng Nghĩa nặng - phò ngai Hán / Muôn thuở Thần ban - cậy trọn niềm

29-Thiên hậu cung: cung Thiên hậu

Vạn phái hồi lan ban Hậu đức / Thiên thu trúc tự ý Từ hàng
Muôn đợt sóng lùi do đức Mẫu / Ngàn năm cúng trọng cây thuyền Từ

KHÁM THỜ:

山如重德

後
輩
合
至
可
修
培

本
官
創
立
衆
前
輩
先
賢
之
神
位
先
姑
先
賢

先
賢
誠
心
同
再
造

Phiên âm/Tam dịch:

Đức trọng như sơn: Đức lớn dường non

Bổn cung chúng tiên bối chi thần vị: bài vị các tiên bối của miếu nhà

Sáng lập – Tiên bối: các Ông lớp trước lập ra

Duy trì – Tiên cô: các Bà lớp trước gìn giữ

Tiên hiền thành tâm đồng tái tạo /Hậu bối hợp chí khả tu bồi

Đời trước dốc lòng cùng dựng lại /Lớp sau chung ý khá sửa sang

II/ HÌNH ẢNH TÁC GIẢ TẠI DI TÍCH LỊCH SỬ - KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT MIẾU TỔ SƯ



III/ MỘT SỐ HÌNH ẢNH TÁC GIẢ THAM GIA NGHIÊN CỨU VÀ THAM QUAN TẠI CÁC DI TÍCH CẤP TỈNH



Di tích cách mạng chùa Bửu Hưng (Chùa Cô Hôn) – Tp. Biên Hòa



Địa điểm thành lập Chi bộ Cộng sản Bình Phước Tân Triều và Tỉnh Ủy Lâm thời tỉnh Biên Hòa – H. Vĩnh Cửu



Di tích lịch sử Đình Bình Quan – Tp. Biên Hòa



Di tích lịch sử Đình Long Chiến – H. Vĩnh Cửu



Di tích lịch sử Đình Phú Trạch – H. Vĩnh Cửu



Di tích lịch sử Đình Xuân Lộc - Chùa Xuân Hòa – Tx. Long Khánh



Di tích lịch sử Đình Hưng Lộc – H. Thống Nhất



Di tích lịch sử Thành Biên Hòa – Tp. Biên Hòa



Di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật Đình Phú Mỹ - H. Nhơn Trạch



Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Phước Lộc – H. Long Thành

IV/ MỘT SỐ HÌNH ẢNH LỄ HỘI LÀM CHAY CỦA MIẾU TỔ SƯ



Cây nêu trong lễ hội làm Chay



Lồng đèn



Ông Tiêu trong lễ hội làm Chay



Múa lân sư rồng trong lễ hội làm Chay



Đọc sớ cầu an cầu siêu tại lễ hội làm Chay



Điểm nhãn cho lòng đèn



Nghi thỉnh Tổ sư, Bà Thiên Hậu, Quan Thánh Đế Quân



Pháp sư tụng kinh trước khi phong sinh



Chuẩn bị làm lễ bắc cầu hoa



Nghi cúng cô hồn, các đảng